**BÀI 1: THƠ VÀ TRUYỆN THƠ**

**Nhóm trưởng: Nguyễn Thị Thu Thuỷ**

**THPT Thường Tín – Hà Nội**

**SĐT: 0357792556**

**thuthuy@gmail.com**

TRẦN THỊ MAI THẢO, THPT LÝ THƯỜNG KIỆT, THỊ XÃ HÒA THÀNH, TÂY NINH. MAIL: [maithaoltk@gmail.com](mailto:maithaoltk@gmail.com). SỐ ĐT 0978674354

**BÀI 1: THƠ VÀ TRUYỆN THƠ**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* Nhận biết và vận dụng những hiểu biết về thơ trữ tình ( giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố như ngôn từ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản: ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong truyện thơ…) và đặc điểm của truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm (cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội thâm, bút pháp, ngôn ngữ…) để đọc hiểu các bài thơ và đoạn trích truyện thơ.
* Nhận biết phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và nói tiếng Việt.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực đặc thù***

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ… qua văn bản *Lời tiễn dặn.*
* Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm: nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung truyện thơ qua văn bản *Lời tiễn dặn.*
* Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB truyện thơ qua văn bản *Lời tiễn dặn.*

**3. Phẩm chất**

* Biết trân trọng tình cảm và sự đoàn tụ gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án;
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
* Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT Ngữ văn 11.
* Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học

**b. Sản phẩm:** Những chia sẻ của học sinh.

**c. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS: *Bạn đã học về truyện thơ Nôm ở lớp 9. Theo bạn, khi đọc một truyện thơ, chúng ta cần chú ý điều gì?*

*Đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và nói tiếng Việt.*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

Gợi ý:

+ *Truyện thơ Nôm “Chị em Thúy Kiều” trích Truyện Kiều của Nguyễn Du.*

*+ Khi đọc một truyện thơ, chúng ta cần chú ý đến nội dung và hình thức.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết và hiểu được một số đặc trưng của truyện thơ dân gian, đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và nói tiếng Việt.

**b. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**c. Tổ chức thực hiện:**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

* Nhận biết và vận dụng những hiểu biết về truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm (cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội thâm, bút pháp, ngôn ngữ…) để đọc hiểu các bài thơ và đoạn trích truyện thơ.
* Nhận biết phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và nói tiếng Việt.

**b. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân .

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn:**  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về đặc điểm của truyện thơ dân gian**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS xem lại phần chuẩn bị về mục Tri thức ngữ văn và làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ sau:  *Trình bày đặc trưng của truyện thơ dân gian .*  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị.  + Dự kiến khó khăn: Học sinh chưa đọc phần *Tri thức ngữ văn*, gặp khó khăn trong việc tổng hợp  + Tháo gỡ khó khăn: Câu hỏi gợi mở để HS trả lời; gọi HS khác giúp đỡ bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV có thể gợi mở theo sơ đồ tư duy theo PHỤ LỤC 13 trang 146. | **Tri thức Ngữ văn**  **I. Đặc trưng của truyện thơ dân gian.**  ***-*** *Khái niệm:* là một thể loại văn học dân gian, sáng tác dưới hình thức văn vần, thường xoay quanh đề tài tình yêu, hôn nhân; kết hợp tự sự với trữ tình, rất gần gũi với ca dao, dân ca; phát triển nhiều ở các dân tộc miền núi.  - *Cốt truyện:* đơn giản, thường xoay quanh số phận của một vài nhân vật chính; có thể sử dụng yếu tố kì ảo hoặc không sử dụng.  - *Nhân vật chính:* thường là những con người có số phận ngang trái, bất hạnh trong cuộc sống, tình yêu.  - *Ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian:* là ngôn ngữ truyền khẩu, giàu chất trữ tình và mang âm hưởng của các làn điệu dân ca Việt Nam. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, nhớ lại và trả lời:   *+Trình bày khái niệm về biện pháp tu từ lặp cấu trúc?*  *+ Tác dụng của việc lặp cấu trúc là gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**   * HS nghe câu hỏi, trả lời   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV bổ sung: | **II. Khái niệm, đặc điểm của biện pháp lặp cấu trúc**  **- Khái niệm**  Lặp cấu trúc là một biện pháp tu từ dùng sự trùng điệp về âm hưởng bằng cách lặp đi lặp lại những thanh điệu cùng nhóm bằng hoặc nhóm trắc, nhằm mục đích tăng nhạc tính, tăng tính tạo hình và biểu cảm của câu thơ.   * Tác dụng:   Lặp cấu trúc nhằm nhấn mạnh nội dung và tạo sự nhịp nhàng cân đối cho văn bản. |

*Ngày soạn: 1/9/2023*

*Tiết …….*

# BÀI 1. THƠ VÀ TRUYỆN THƠ

# ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

# VĂN BẢN 1: *Sóng*

# (Xuân Quỳnh)

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**1. Kiến thức**

**-** Hiểu về tác giả, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật của nữ thi sĩ Xuân Quỳnh.

- Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của

tác giả**.**

**-** Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, xây dựng hình ảnh, nhịp điệu và ngôn từ của

bài thơ.

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao của người phụ nữ về một tình yêu thủy chung,

bất diệt.

**2. Năng lực:**

***a. Năng lực đặc thù***

+ Nêu được những hiểu biết về thơ tự do, nhân vật trữ tình, hình ảnh, ngôn từ, cảm hứng chủ đạo...

+ Phân tích đánh giá được giá trị thẩm mĩ của các yếu tố hình thức (nhân vật trữ tình, hình ảnh, từ ngữ…) và nội dung (cảm hứng chủ đạo, chủ đề…) trong bài thơ “*Sóng”.*

+ Liên hệ với bản thân để rút ra được thông điệp có ý nghĩa.

+ Biết cách đọc hiểu các văn bản khác cùng thể loại.

***b. Năng lực chung***

+ Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập do giáo viên chuyển giao trước khi đến lớp ở hoạt động hình thành kiến thức, hoạt động luyện tập, vận dụng; nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân sau khi đọc hiểu tác phẩm từ đó hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến suy nghĩ, hành vi; nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Chủ động, tự tin trao đổi thông tin với các thành viên trong nhóm, lớp và giáo viên; sử dụng ngôn ngữ kết hợp với kí hiệu để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận các nhiệm vụ được giao; lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc .

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống; đặt ra được những câu hỏi khác nhau về một vấn đề, lắng nghe và tiếp nhận thông tin với sự cân nhắc, chọn lọc.

**3. Phẩm chất**

+ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

+ Hình thành tính cách: tự tin, sáng tạo khi cảm thụ văn học.

+ Hình thành nhân cách: có tình yêu trong sáng, chân thành và khát vọng lớn lao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

- Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới; huy động kiến thức nền liên quan đến bài học.

**b. Sản phẩm**

# - Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

# c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Trình chiếu một số hình ảnh về con sóng.  - GV đọc cho HS nghe một số bài thơ có hình tượng sóng.  - HS xem hình ảnh, nghe đọc thơ và trả lời câu hỏi: Điểm chung của các hình ảnh và các bài thơ là gì? Các tác giả đưa hình ảnh sóng vào các bài thơ để làm gì (GV mời 2-3 HS trả lời)  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS xem, nghe, suy nghĩ, trả lời.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | Dự kiến câu trả lời của học sinh:  - Điểm chung là các bứa tranh đều có hình ảnh con sóng.  - Các tác giả đưa hình ảnh sóng vào các bài thơ để biểu đạt cảm xúc, giãi bày tình yêu. |

**GV dẫn vào bài:**

*Những hình ảnh sóng trong các bức tranh và trong các bài thơ vừa rồi đã khiến chúng ta liên tưởng đến những con sóng biển với nhịp điệu đều đặn vỗ vào bờ. Đó là những hình tượng đẹp của tự nhiên và các nhà thơ tìm đến với sóng để kí thác lòng mình. Bài thơ “Sóng” của Xuân Quỳnh ra đời dựa trên cơ sở đó.*

# HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG

**a. Mục tiêu:**

- Ôn tập lại cách thức đọc hiểu một văn bản trữ tình.

- Tìm hiểu những nét khái quát về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả.

**b. Sản phẩm:** Bài trình bày sản phẩm theo yêu cầu của GV (bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ).

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại***  ***\**HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Nhiệm vụ : Cách đọc hiểu thơ trữ tình, thơ tự do**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Trong giờ học trước chúng ta đã đọc hiểu văn bản *Đất Nước* của NĐT, một bạn nhắc lại cho cô: Khi tìm hiểu một văn bản thơ chúng ta cần phải tìm hiểu những gì?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  -GV chốt lại những nội dung cần tìm hiểu khi đọc hiểu một bài thơ tự do | **I. Cách đọc hiểu thơ trữ tình, thơ tự do:**  - Trước hết chúng ta phải đọc kĩ văn bản.  - Xác định được thể loại, nhân vật trữ tình, cảm hứng chủ đạo chủ đạo, bố cục của bài thơ.  - Cảm nhận nội dung, ý nghĩa bài thơ qua từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu, kết cấu, biện pháp tu từ.  - Tìm hiểu thêm các thông tin ngoài bài thơ (tác giả, hoàn cảnh sáng tác).  - Đánh giá, khái quá nội dung, nghệ thuật của bài thơ |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Trình bày những hiểu biết về nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ *“Sóng”*  - Để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm, GV đưa ra hệ thống câu hỏi – HS trả lời (Có thể tổ chức theo hình thức trò chơi)  ?1. Xuân Quỳnh thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến…?  ?2. Thơ Xuân Quỳnh có đặc điểm gì?  ?3. Kể tên một số tác phẩm tiêu biểu của Xuân Quỳnh?  ?4. Bài thơ thơ *Sóng* sáng tác trong khoảng thời gian nào?  ?6. Xác định thể thơ của bài thơ *Sóng*? Vì sao em xác định như vậy?  ?7. Cho biết nhân vật trữ tình trong bài thơ?  ?8. Bài thơ có kết cấu mấy phần?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  + HS đọc mục Tiểu dẫn, nêu cảm nhận về cuộc đời và phong cách thơ Xuân Quỳnh.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ... thơ Xuân Quỳnh... về văn học nghệ thuật.  Bài thơ Sóng:  Kết quả chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền, Thái Bình (cuối 1967), đưa vào tập thơ Hoa dọc chiến hào - tập thơ riêng đầu tiên của Xuân Quỳnh (1968).  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **II. Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **1. Tác giả:**  - Cuộc đời bất hạnh; luôn khao khát tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử.  - Đặc điểm hồn thơ: tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khao khát hạnh phúc đời thường, bình dị; nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu.  **2. Tác phẩm:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:**  - Được viết tại biển Diêm Điền (Thái Bình) năm 1967.  **b. Đề tài và chủ đề:**  - Đề tài: Tình yêu.  - Chủ đề: Mượn hình tượng sóng để diễn tả tình yêu của người phụ nữ. Sóng là ẩn dụ cho tâm hồn người phụ nữ đang yêu.  **c. Thể thơ:** 5 chữ |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

**-** Hiểu về tác giả, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật.

- Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của

tác giả**.**

**-** Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, xây dựng hình ảnh, nhịp điệu và ngôn từ của

bài thơ.

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao của người phụ nữ về một tình yêu thủy chung,

bất diệt.

**b. Sản phẩm:**

- Bài trình bày của HS theo yêu cầu của GV

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  **1/Sóng và em – những nét tương đồng:**  \* Cách thức tiến hành: Thảo luận nhóm  **\*Thao tác 1: Gv hướng dẫn HS tìm hiểu các khổ thơ 1 và 2**  *- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ*  GV yêu cầu HS đọc toàn văn bản  +GV lưu ý khi đọc: nhịp thơ khá đều đặn và biến đổi: 3/ 2; 2/1/2, 2/3... giọng thơ suy tư, chiêm nghiêm và không kém phần băn khoăn, day dứt và nồng nhiệt, chân thành.  *- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS đọc*  *- B4: GV cùng 3- 4 HS đọc toàn bài; nhận xét kết quả đọc.*  \* GV tổ chức cho HS tìm hiểu khổ 1 và 2  *- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ*  + HS đọc diễn cảm lại 2 khổ thơ đầu.  + GV hỏi:  Những tính từ *dữ dội* *và dịu êm, ồn ào và lặng lẽ* nói lên điều gì? của cái gì? nghĩa đen và nghĩa bóng (ẩn dụ)?  Vì sao câu trên là sông? câu dưới là sóng?  Quan niệm về tình yêu gắn liền với sông và sóng có ý nghĩa gì?  Khổ thơ thứ hai, nêu nhận xét gì mới về sóng và về tình yêu tuổi trẻ?  *- B2: HS thực hiện nhiệm vụ*  *- B3: HS báo cáo kết quả*  *\* HS trả lời cá nhân:*  -Các đặc điểm trái ngược và thống nhất của sóng theo không gian, theo thời gian.  - Đó cũng là tính khí thất thường, rắc rối của những cô gái mới lớn khi sắp bắt đầu một mối tình. Đó là quy luật của sóng nước, sóng biển cũng là quy luật tâm lí của thiếu nữ.  -Cách mở đầu bài thơ bằng nhận xét mô tả trực tiếp những đặc tính của thiên nhiên - những phẩm chất và quy luật của con người khiến người đọc ngỡ ngàng, ngạc nhiên và thú vị.  + Sông và sóng chứ không phải sóng và sóng vì đó là nguyên bản của tác giả.  -Hơn nữa, sóng sông khác sóng biển. Có ra đến biển, có gặp sóng trên biển lớn mới trải hết mọi cung bậc của sóng .  *\* HS trả lời cá nhân:*  - Nhận xét về sóng: đó là quy luật vận động của tình yêu, của muôn đời, vĩnh hằng.  - Cũng như khát vọng tình yêu mãi mãi rung động, xao xuyến, bồi hồi trái tim tuổi trẻ. Nhận xét được nói lên thẳng thắn, mạnh bạo và chân thành.  *- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức* | **III.Đọc hiểu văn bản:**  **1- Nội dung:**  **1.1 - Sóng và em – những nét tương đồng:**  **a. Sóng là đối tượng để nhận thức tình yêu:**  - Khổ 1:  + Tiểu đối: *Dữ dội - dịu êm; ồn ào - lặng lẽ*  🡪 mở đầu bằng 4 tính từ: Miêu tả trạng thái đối lập của sóng và liên tưởng đến tâm lí phức tạp của người phụ nữ khi yêu (khi sôi nổi, mãnh liệt khi dịu dàng, sâu lắng).  + Phép nhân hoá:  “Sông - không hiểu mình”  “Sóng - tìm ra bể”  🡪 Con sóng mang khát vọng lớn lao: Nếu “sông không hiểu nổi mình” thì sóng dứt khoát từ bỏ nơi chật hẹp để “tìm ra tận bể”, tìm đến nơi cao rộng, bao dung.  => Hành trình “tìm ra tận bể” của sóng cúng chính là quá trình tự khám phá, tự nhận thức, chính bản thân, khát khao sự đồng cảm, đồng điệu, chủ động trong tình yêu.  - Khổ 2:  + Quy luật của sóng: *Sóng: ngày xưa, ngày sau: vẫn thế*  🡪 sự trường tồn của sóng trước thời gian: vẫn dạt dào, sôi nổi.  + Quy luật của tình cảm:  “Khát vọng tình yêu - bồi hồi trong ngực trẻ”  🡪 Tình yêu là khát vọng lớn lao, vĩnh hằng của tuổi trẻ và nhân loại.  => Xuân Quỳnh đã liên hệ tình yêu tuổi trẻ với con sóng đại dương. Cũng như sóng, con người đã đến và mãi mãi đến với tình yêu. Đó là quy luật muôn đời. =>Yêu là tự nhận thức, là vươn tới miền bao la,vô tận. |
| **\*Thao tác 2: Gv hướng dẫn HS tìm hiểu các khổ thơ 3,4,5,6,7**  *- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ*  *Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:*  *+ Nhóm 1, 2 thảo luận khổ 3, 4 ?*  **GV:** Cái hay của đoạn thơ là sự đầu hàng của nhận thức, là sự bất lực của lí trí: *em cũng.....ta yêu nhau*.  **GV:** Thơ Xuân Diệu: *“Làm sao cắt nghĩa được tình yêu”*  Nhà toán học Pascan: “*trái tim có những lí lẽ riêng mà lí trí không thể nào hiểu nổi”*  ? Nỗi nhớ trong tình yêu được diễn tả như thế nào?  *+ Nhóm 3, 4 thảo luận khổ 5, 6, 7*  **GV:** Nỗi nhớ trong tình yêu là cảm xúc tự nhiên của con người, đã được miêu tả rất nhiều trong thơ ca xưa cũng như nay:  *Nhớ ai bổi hổi bồi hồi*  *Như đứng đống lửa, như ngồi đống than* (Ca dao)  *Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời* (Chinh phụ ngâm)  *Anh nhớ tiếng, anh nhơ hình, anh nhớ ảnh. Anh nhớ em, anh nhớ lắm. Em ơi!.* (Xuân Diệu)  ? Tìm các biện pháp tu từ được sử dụng để tác giả thể hiện nỗi nhớ?  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ  - B3: HS báo cáo kết quả  ***\* HS đại diện nhóm trả lời***  **\* Nhóm 1, 2**  Hai khổ 3, 4:  Nghĩ về sóng và cội nguồn tình yêu lứa đôi.  +Điệp từ: “em nghĩ” và câu hỏi: “Từ nơi nào sóng lên”  🡪 quay về lòng mình, nhu cầu tìm hiểu, phân tích, khám phá tình yêu  - Khổ 4: Đi tìm câu hỏi tu từ cho câu hỏi ở khổ 3:  Câu hỏi tu từ:  *Gió bắt đầu từ đâu?*  *Khi nào ta yêu nhau?*  🡪 XQ dựa vào quy luật tự nhiên để truy tìm khởi nguồn của tình yêu nhưng nguồn gốc của sóng cũng như tình yêu đều bất ngờ, đầy bí ẩn, không thể lí giải.  **Nhóm 3, 4 :**  -Vẫn bắt đầu cảm xúc và suy nghĩ từ hình tượng sóng để nói về em.  -Tình yêu bao giờ cũng được thử thách trong sự xa cách trong không gian và trong thời gian. Và nỗi nhớ thương, trăn trở, khao khát được gặp gỡ là phẩm chất đặc biêt thường trực của tình yêu.  -Cái hay của khổ thơ là lại liên hệ đến sóng, nhân hoá sóng: con sóng nào cũng thao thức vỗ mãi suốt đêm ngày vì nhớ bờ không nguôi, không ngủ.  -Còn nỗi nhớ của em còn hơn thế: cả trong mơ còn thức.  -Nỗi nhớ thường trực, không khi nào chịu yên. Cách nói nhấn mạnh đến cái phi lí trong tâm lí mà có lí trong tình em: nhớ cả trong mơ, càng trong mơ càng dậy lên nỗi nhớ.  -Nhớ và hướng về anh, thuỷ chung như nhất với anh. Phẩm chất tình cảm này của em được diễn tả bằng cách nói tưởng chừng phi lí: xuôi bắc, ngược nam và cái phương anh đã chứng minh tấm lòng son sắt của trái tim cô gái đang yêu thời hiên đại..  -Sóng nào chẳng cố hướng vào bờ để tìm sự ngơi nghỉ, dừng chân? cũng như tình em chỉ hướng về anh, chỉ nghĩ về anh, không biết mêt mỏi, không nghĩ về mình, đầy sự chia sẻ, hi sinh.  *- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới* | **b. Sóng là đối tượng để suy tư về nguồn gốc và nỗi nhớ trong tình yêu đôi lứa**:  - Khổ 3: Suy tư về tình yêu  🡪 quay về lòng mình, nhu cầu tìm hiểu, phân tích, khám phá tình yêu  - Khổ 4: Đi tìm câu hỏi tu từ cho câu hỏi ở khổ 3:  => Đây là cách cắt nghĩa tình yêu rất chân thành và đầy nữ tính.  - Khổ 5: Nỗi nhớ của sóng và em  + Bao trùm cả không gian: *dưới lòng sâu, sóng trên mặt nước*  + Thao thức trong mọi thời gian: *ngày đêm không ngủ được*  🡪 Phép đối, phép điệp, nhân hóa, giọng thơ dào dạt, náo nức, mãnh liệt: diễn tả nỗi nhớ da diết, không thể nào nguôi, cứ cuồn cuộn, dào dạt như sóng biển triền miên.  + Sóng nhớ bờ mãnh liệt, tha thiết, còn em nhớ anh đắm say hơn bội phần:  *Lòng em nhớ đến anh*  *Cả trong mơ còn thức*  🡪 Cách nói cường điệu nhưng hợp lí: nhằm tô đậm nỗi nhớ (choáng ngợp cõi lòng không chỉ trong ý thức mà thấm sâu vào trong tiềm thức).  => Bày tỏ tình yêu một cách chân thành, tha thiết mà mạnh dạn, mãnh liệt.  - Khổ 6: Lòng chung thuỷ  + Cách nói khẳng định:  ++em: dẫu xuôi - phương bắc; dẫu ngược - phương nam,  ++em: vẫn *Hướng về anh một phương*  → Lời thề thủy chung tuyệt đối trong tình yêu: dù đi đâu về đâu vẫn hướng về người mình đang thương nhớ đợi chờ.  + Các điệp ngữ: *dẫu xuôi về, dẫu ngược về*  + điệp từ  *phương*, cách nói ngược *xuôi Bắc, ngược Nam*  🡪 Diễn tả hành trình vất vả của sóng nhằm khẳng định niềm tin đợi chờ trong tình yêu.  - Khổ 7 : Bến bờ hạnh phúc .  + Mượn hình ảnh của sóng :  *« Ở ngoài kia đại dương » - « Con nào chẳng tới bờ »*  🡪 quy luật tất yếu.  + Sóng tới bờ dù cách trở: Tình yêu là sức mạnh giúp em và anh vượt qua gian lao, thử thách để đạt đến bến bờ hạnh phúc.  => XQ thể hiện **cái tôi** của một con người luôn có niềm tin mãnh liệt vào tình yêu |
| **\*Thao tác 3: GV hướng dẫn hs tìm hiểu khổ 8,9**  *- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ*  cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu khổ 8, 9?  ? Em hiểu như thế nào về khổ thơ này?  *Cuộc đời tuy dài thế*  *................................*  *Mây vẫn bay về xa*  ? Lo âu, trăn trở tất yếu dẫn đến khát khao gì ở XQ?  **-** *B2: HS thực hiện nhiệm vụ*  *- B3: HS báo cáo kết quả*  - Từ những suy nghĩ về tình yêu, hi sinh, và chung thuỷ suốt đời, nhà thơ mở rộng hơn, nghĩ về mối quan hê giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, giữa cuộc đời mỗi người, tình yêu mỗi lứa đôi và cuộc đời chung, và thiên nhiên vũ trụ và thời gian vô cùng.  - Câu hỏi day dứt thể hiên khao khát tình yêu cao cả và bất tử và tìm cách thực hiên chính là mong muốn được tan ra, được hoá thân và hoà nhâp thành trăm ngàn con sóng nhỏ giữa biển lớn tình yêu của nhân dân và nhân loại.  *- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức* | **1.2. Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời và khát vọng tình yêu:**  - cuộc đời tuy dài >< năm tháng vẫn đi qua.  - Biển dẫu rộng >< mây vẫn bay về xa.  -> Đó là sự nhạy cảm và lo âu, trăn trở của XQ về sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của hạnh phúc.  + *Làm sao* ….. khao khát sẻ chia và hòa nhập  *Thành trăm* vào cuộc đời.  + *Giữa biển* ….. khát vọng được sống mãi  *Để ngàn* ….. trong TY, bất tử với TY  => khát vọng khôn cùng về tình yêu bất diệt |
| **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  *- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ*  ? Đánh giá về nghệ thuật của bài thơ ? Nhận xét về thể thơ, nhịp thơ và hình tượng “*sóng*” ?  ? Hãy chỉ ra ý nghĩa của văn bản?  *- B2: HS thực hiện nhiệm vụ*  *- B3: HS báo cáo kết quả*  *- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức* | **2. Nghệ thuật:**  - Thể thơ 5 chữ truyền thống; cách ngắt nhịp, gieo vần độc đáo, giàu sức liên tưởng.  - Xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết.  **3. Ý nghĩa văn bản:**  **-** Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiết tha, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thủy, vượt lên mọi giới hạn của đời người. |
| - B1: GV cung cấp đề bài và yêu cầu HS hoàn thành bài tập trong giấy  Viết đoạn văn ngắn phân tích khổ thơ 1,2  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ  - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  - B4: GV nhận xét và sửa 2-3 bài để cả lớp rút kinh nghiệm. | **IV. Luyện tập:**  **\*** Sản phẩm dự kiến: 1 đoạn văn  \* Mức độ của sản phẩm (Tiêu chí cần đạt)  \* Yêu cầu chung:  - Xác định đúng nội dung yêu cầu  - Hình thức phải phù hợp với nội dung  \* Yêu cầu cụ thể: viết đoạn văn để làm nổi bật các đặc điểm trái ngược và thống nhất của sóng theo không gian, theo thời gian và quy luật vận động của tình yêu, của muôn đời, vĩnh hằng. |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: **:** Củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu theo thể loại thơ tự do qua hoạt động thực hành, luyện tập, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể của từng hoạt động.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| - B1: GV cung cấp đề bài và yêu cầu HS hoàn thành bài tập trong giấy  Viết đoạn văn ngắn phân tích khổ thơ 1,2  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ  - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  - B4: GV nhận xét và sửa 2-3 bài để cả lớp rút kinh nghiệm. | **IV. Luyện tập:**  **\*** Sản phẩm dự kiến: 1 đoạn văn  \* Mức độ của sản phẩm (Tiêu chí cần đạt)  \* Yêu cầu chung:  - Xác định đúng nội dung yêu cầu  - Hình thức phải phù hợp với nội dung  \* Yêu cầu cụ thể: viết đoạn văn để làm nổi bật các đặc điểm trái ngược và thống nhất của sóng theo không gian, theo thời gian và quy luật vận động của tình yêu, của muôn đời, vĩnh hằng. |

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực tiễn; nâng cao kĩ năng tạo lập văn bản nói, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể trong việc vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**:

HS thực hiện trả lời các yêu cầu của giáo viên:

- Tìm những tác phẩm, công trình thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau viết về biển đảo mà em biết.

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về trách nhiệm của thế hệ trẻ với biển đảo quê hương.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Vận dụng:**  *\* Cách thức tiến hành:*  - B1: GV yêu cầu HS sưu tầm bài thơ “Biển” của Xuân Diệu từ đó chỉ ra điểm giống và khác nhau ở việc sử dụng hình tượng sóng trong hai bài thơ đó?  - B2: HS làm cá nhân, sưu tầm, chuẩn bị trước ở nhà.  - B3: HS có thể trình bày vấn đề cần nghị luận bằng nhiều cách khác nhau (bài viết; bài trình bày miệng; trải nghiệm thực tế từ đó lấy tư liệu để trình bày ý kiến;…)  + Thời gian hoàn thành và trình bày sản phẩm: 1 tuần  + Địa điểm trình bày: tại lớp học  **b. Tìm tòi, mở rộng**  *\* Cách thức tiến hành:*  - B1: GV yêu cầu HS tìm đọc nhiều câu thơ, bài thơ so sánh tình yêu với sóng và biển.  - B2: HS sưu tầm những bài bài thơ khác viết về tình yêu và tự cảm nhận  + Thời gian hoàn thành và trình bày sản phẩm: 1 tuần  + Địa điểm trình bày: tại lớp học  - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  - B4: GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, tuyên dương một vài bài tiêu biểu | **V. Vận dụng:**  **\*** Sản phẩm dự kiến:  - Bài viết/ bài thuyết trình trên giấy A4  \* Mức độ của sản phẩm (Tiêu chí cần đạt)  \* Yêu cầu chung:  - Xác định đúng nội dung yêu cầu  - Hình thức phải phù hợp với nội dung  \* Yêu cầu cụ thể:  - Bài viết: đúng yêu cầu cơ bản của một bài thơ hoặc bài hát về một vấn đề thực tiễn được gợi ra từ thực tiễn cuộc sống phù hợp với lứa tuổi  \* Báo cáo kết quả:HS chia sẻ ý kiến, quan điểm của bản thân trên giấy a4  (Dự kiến điểm giống nhau: cả 2 bài thơ đều sử dụng hình tượng sóng để nói về tình yêu; điểm khác nhau: Xuân Diệu dùng hình tượng sóng để biểu tượng cho khí chất tình yêu của nam giới – trong khi đó, Xuân Quỳnh dùng hình tượng sóng để biểu tượng cho tình yêu của người phụ nữ). Từ đó thấy sự sáng tạo của XQ trong xây dựng hình tượng sóng |

**IV. Câu hỏi/Bài tập kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ**  **nhận biết** | **Mức độ thông hiểu** | **Mức độ vận dụng** | **Mức độ vận dụng cao** |
| **1. Phần hình thành kiến thức thể loại tùy bút** | Nhận biết đặc điểm của thể loại thơ tự do. |  |  |  |
| **2. Phần hình thành kiến thức: Hình tượng con sóng** | Nhận biết được những những đặc điểm khác nhau của con sóng. | - Tìm những dẫn chứng thể hiện vẻ đẹp đối lập của con sóng.  - Tác giả đã vận dụng kiến thức nào để xây dựng hình tượng sóng. | Cảm nhận vẻ đẹp của những trạng thái đối lập của con sóng. |  |
| **3. Luyện tập** |  |  | Viết đoạn văn ngắn phân tích 1 đặc điểm của hình tượng con sóng. |  |
| **4. Vận dụng và mở rộng** |  |  |  | Em hãy chia sẻ khát vọng của em về tình yêu. |

**V/ PHỤ LỤC**

**PHIẾU HỌC TẬP**

**SÓNG < Xuân Quỳnh>**

1. ***Tìm hiểu chung.***

*1b.Nhân vật bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là ai? Nhân vật đó hiện lên qua đại từ nào? hình tượng nào xuyên suốt trong bài thơ?*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

*1a. Giới thiệu bằng lời những nét chính về nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ “ Sóng”*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***2: Cho đoạn thơ và trả lời câu hỏi nêu ở dưới: ( 2 khổ thơ đầu)***

*“Dữ dội và dịu êm*

*Ồn ào và lặng lẽ*

*Sông không hiểu nổi mình*

*Sóng tìm ra tận bể*

*Ôi con sóng ngày xưa*

*Và ngày sau vẫn thế*

*Nỗi khát vọng tình yêu*

*Bồi hồi trong ngực trẻ…”*

*2.1: Anh / chị thấy trạng thái của sóng có gì đặc biệt không?Những trạng thái này kế tiếp hay đồng hiện?*

*2.2. Hai câu thơ đầu hé mở thế giới tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu như thế nào?*

*2.2: Không gian “ sông”, “ bể” có thể biểu tượng cho điều gì? Em hiểu 2 câu thơ “ Sông không hiểu nổi mình, sóng tìm ra tận bể” là thế nào?*

*2.3:Khổ thơ thứ 2 cho chúng ta biết trạng thái, khát vọng và hành trình của sóng chỉ là khoảnh khắc bất chợt hay là quy luật vĩnh hằng? vì sao? ( chú ý các từ ngữ : “ Ngày xưa”. “ ngày sau”, “ vẫn thế”)*

*2.4: Hai câu cuối cho thấy sóng mang khát vọng, tâm trạng như thế nào và có gì đồng điệu với tâm trạng của con người?*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***3: Cho đoạn thơ và trả lời câu hỏi nêu ở dưới: ( khổ thơ 3, 4)***

*“…Trước muôn trung sóng bể*

*Em nghĩ về anh, em*

*Em nghĩ về biển lớn*

*Từ nơi nào sóng lên?*

*Sóng bắt đầu từ gió*

*Gió bắt đầu từ đâu?*

*Em cũng không biết nữa*

*Khi nào ta yêu nhau…”.*

*3.1: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật nổi bật trong hai khổ thơ và hiệu quả biểu đạt của chúng?*

*3.2: Đoạn thơ giúp anh / chị hình dung như thế nào về” cái tôi” trữ tình của thi sĩ Xuân Quỳnh?*

*3.3: Qua đoạn thơ này, “ Cái tôi” Xuân Quỳnh đã thể hiện cái nhìn như thế nào về tình yêu?*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***4: Cho đoạn thơ và trả lời câu hỏi nêu ở dưới: ( Khổ 5,6,7)***

*(5)“…Con sóng dưới lòng sâu*

*Con sóng trên mặt nước*

*Ôi con sóng nhớ bờ*

*Ngày đêm không ngủ được*

*Lòng em nhớ đến anh*

*Cả trong mơ còn thức*

*(6) Dẫu xuôi về phương bắc*

*Dẫu ngược về phương nam*

*Nơi nào em cũng nghĩ*

*Hướng về anh - một phương*

*(7) Ở ngoài kia đại dương*

*Trăm ngàn con sóng đó*

*Con nào chẳng tới bờ*

*Dù muôn vàn cách trở*

*4.1: Khổ thơ 5 có gì đặc biệt? Nỗi nhớ của con sóng được tác giả khắc họa như thế nào? cả đại dương bao la, sâu thẳm đã bị xâm chiếm bởi nổi nhớ ra sao?*

*4.2: Ở khổ thơ 5, anh/ chị hiểu như thế nào là nỗi nhớ “ cả trong mơ còn thức”?*

*4.3: Cách nói “xuôi bắc”, “ ngược nam” có gì đặc biệt? giúp tác giả khẳng định và nhấn mạnh điều gì? Nhà thơ đã nương vào quy luật nào của tự nhiên để thể hiện sự thủy chung, tin tưởng trong lòng “em” ?*

*4.4: Vẻ đẹp trong tình yêu của người phụ nữ được thể hiện như thế nào qua những khổ thơ trên?*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 5. *Cho đoạn thơ và trả lời câu hỏi nêu ở dưới: ( Khổ 8,9)***

*“…( 8) Cuộc đời tuy dài thế*

*Năm tháng vẫn qua đi*

*Như biển kia dẫu rộng*

*Mây vẫn bay về xa*

*( 9) Làm sao được tan ra*

*Thành trăm con sóng nhỏ*

*Giữa biển lớn tình yêu*

*Để ngàn năm còn vỗ.*

*5.1: Cấu trúc “ tuy…vẫn”, “ dẫu…vẫn…” và biện pháp so sánh trong khổ thơ 8 thể hiện những nhạy cảm về sự chảy trôi của thời gian trong tâm hồn nhân vật trữ tình như thế nào?*

*5.2:Nhịp điệu khổ thơ 8 có gì đặc biệt ? Nhịp điệu này gieo vào lòng người đọc ấn tượng và cảm nhận ra sao?*

*5.3: Nhận thức về thời gian chảy trôi , đời người ngắn ngủi và sự “ mong manh màu khói” của lời yêu có thể dẫn con người đến những cách ứng xử nào? và cách mà Xuân Quỳnh đã chọn là gì?*

*5.4: Cái tôi trữ tình bộc lộ ước muốn gì trong khổ kết? ước muốn đó được thể hiện bằng cách nào? ấn tượng của anh/ chị về nhịp điệu của khổ thơ là gì?*

**BÀI LÀM**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết:**

**LỜI TIỄN DẶN**

**(Trích Tiễn dặn người yêu)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm của truyện thơ dân gian (cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp, ngôn ngữ,…).

**2. Năng lực**

**\****Năng lực chung:* NL giao tiếp, hợp tác, NL tự chủ và tự học,…

\* *Năng lực đặc thù*

- Nhận biết được đặc điểm của truyện thơ dân gian.

- Phân tích được được các yếu tố tiêu biểu của truyện thơ dân gian.

- Đọc - hiểu được văn bản khác thuộc thể loại truyện thơ dân gian.

**3. Phẩm chất**

- Trân trọng những giá trị nhân văn: sự chân thành, chung thuỷ, lòng vị tha trong tình yêu.

- Góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc của di sản văn học dân tộc qua truyện thơ dân gian.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập, phiếu học tập.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

- Tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung văn bản.

- Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản.

**b. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS xem video, tranh ảnh về thiên nhiên miền núi nơi người Thái cư trú hoặc về văn hoá người Thái. Yêu cầu HS nêu cảm nhận về văn hoá vùng đất này và dẫn dắt vào bài học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS chia sẻ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác bổ sung  - GV nhận xét, kết luận, dẫn dắt vào bài học mới. | HS chia sẻ trước lớp. |

**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu**

- Xác định được đặc trưng thể loại truyện thơ dân gian.

- Có kĩ năng đọc văn bản.

**b. Sản phẩm: PHT, chia sẻ của HS.**

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu: HS làm việc theo nhóm (4HS/nhóm), hoàn thành PHT tìm hiểu đặc điểm truyện thơ dân gian.  - Thời gian làm việc: 7 phút   |  |  | | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Truyện thơ dân gian** | | Đặc điểm |  | | Phân loại |  | | Cốt truyện |  | | Nhân vật |  | | Ngôn ngữ |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS gửi phiếu kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **I. Đọc – tìm hiểu chung**  **1. Truyện thơ dân gian**  - Truyện thơ dân gian mang các đặc điểm của văn học dân gian: sáng tác tập thể, phương thức lưu truyền chủ yếu bằng con đường truyền miệng, mang tính nguyên hợp (yếu tố văn học kết hợp với các yếu tố văn hoá, thường kết hợp với các hình thức diễn xướng).  - Cũng như nhiều tác phẩm tự sự bằng thơ, truyện thơ dân gian có sự kết hợp giữa tự sự (yếu tố truyện) và trữ tình (yếu tố thơ).  Dựa trên cơ sở này, truyện thơ dân gian có thể chia thành hai nhóm:  + Nhóm tự sự - trữ tình (yếu tố tự sự nổi trội hơn)  + Nhóm trữ tình tự sự (yếu tố trữ tình nổi trội hơn).  Căn cứ vào đề tài, chủ đề, có thể chia truyện thơ dân gian thành ba nhóm chính:  + Tình yêu lứa đôi  + Những người nghèo khổ, bất hạnh  + Ước mơ công lí, chính nghĩa.  – Cốt truyện: thường gồm 3 phần: Gặp gỡ - Thử thách (Tai biến) – Đoàn tụ.  – Nhân vật: thường được phân theo loại (tốt – xấu, thiện – ác), được miêu tả qua những biểu hiện bên ngoài (diện mạo, hành động, lời nói) và qua tâm trạng.  – Ngôn ngữ: đậm chất dân ca, giàu cảm xúc, giàu hình ảnh và các biện pháp tu từ. |
| **2. Hoạt động đọc văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc thành tiếng văn bản*Lời tiễn dặn,* chú ý giọng đọc phù hợp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc, thực hiện các nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS đọc văn bản với giọng phù hợp.  - HS chia sẻ về dự đoán của mình, những lời nhận xét của bản thân khi thực hiện các câu hỏi theo dõi trong văn bản.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp của HS, thái độ của HS với việc đọc, việc trả lời câu hỏi theo dõi, câu hỏi dự đoán, câu hỏi tưởng tượng. | **2. Đọc văn bản**  - HS đọc văn bản cần phân biệt sự tiếp nối và khác nhau giữa hai phần bố cục: cả hai phần đều là lời kể của chàng trai, đều thể hiện tâm trạng đau khổ và khát vọng thuỷ chung, hạnh phúc khi hai người yêu nhau mà không lấy được nhau. Tuy nhiên, phần 1 có lời đối thoại giữa chàng trai và cô gái, phần 2 chỉ có lời chàng trai căn dặn cô gái, qua đó bộc lộ nỗi lòng mình. Giọng đọc phù hợp với nội dung cảm xúc: xót xa khi đau khổ, tha thiết khi nguyện ước thuỷ chung, hạnh phúc.  - HS thực hiện những chỉ dẫn của thẻ đọc ở cột bên phải VB để có những cảm nhận chung về đoạn trích.  - HS giải thích được từ khó trong văn bản. |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu**

- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm theo đặc trưng thể loại.

- Có kĩ năng đọc hiểu văn bản cùng thể loại.

**b. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm 4 người:  - Nêu những nét chính về tác phẩm “Tiễn dặn người yêu” và đoạn trích “Lời tiễn dặn”.  - Xác định vị trí, nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ trên lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS nêu những nét chính về tác phẩm và đoạn trích.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - GV nhận xét, kết luận | **II. Khám phá văn bản**  **1. Khái quát văn bản**  **a. Tác phẩm *Tiễn dặn người yêu***  - *Tiễn dặn người yêu* (Xống chụ xon xao) của dân tộc Thái là truyện thơ nổi tiếng trong kho tàng truyện thơ các dân tộc thiểu số.  - Dung lượng: 1846 câu thơ.  - Nội dung: Chàng trai - nhân vật trong tác phẩm đã kể lại câu chuyện tình yêu và hôn nhân của chính mình.  - Tóm tắt (SGK)  **b. Đoạn trích *Lời tiễn dặn***  - Vị trí:  + Về kết cấu: Khởi đầu quãng đời cô gái bị ép gả về nhà chồng.  + Về chủ đề: Bi kịch tình yêu – hôn nhân và khát vọng tình yêu thuỷ chung, hạnh phúc.  - Nội dung: Tâm trạng của chàng trai trên đường tiễn cô gái về nhà chồng và phải chứng kiến cảnh cô bị chính người chồng đánh đập.  - Nghệ thuật:  + Đặc điểm của truyện thơ dân gian với sự kết hợp tự sự và trữ tình.  + Chất dân tộc và màu sắc miền núi của tác phẩm.  + Thể hiện tâm trạng nhân vật qua lời kể chuyện của chính nhân vật trong tác phẩm. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (Đã giao về nhà chuẩn bị):**  - Nhiệm vụ 1: Làm việc cá nhân: Tìm hiểu về nhan đề, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện của đoạn trích.  - Nhiệm vụ 2: GV giao nhiệm vụ nhóm: (4 nhóm)  + Nhóm 1: Tìm hiểu về tình cảnh của chàng trai và cô gái.  + Nhóm 2: Tìm hiểu về tâm trạng chàng trai khi đưa cô gái về nhà chồng.  + Nhóm 3: Tìm hiểu về tâm trạng của cô gái khi chàng trai đưa về nhà chồng.  + Nhóm 4: Tìm hiểu hoàn cảnh của cô gái ở nhà chồng và thái độ, cử chỉ của chàng trai khi chứng kiến cảnh đó.  - Nhiệm vụ 3: Cả 4 nhóm cùng thảo luận: Tìm hiểu về đặc sắc nghệ thuật, thông điệp của đoạn trích.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **2. Đọc hiểu chi tiết**  **a. Nhan đề**  - Nhan đề: *Lời tiễn dặn*  + tiễn: đưa đi một đoạn để bày tỏ tình cảm, lưu luyến  + dặn: bảo cho biết điều cần nhớ để làm  🡪 Lời tiễn dặn: những lời căn dặn của chàng trai khi cô gái về nhà chồng, thể hiện tình cảm, sự luyến lưu, không nỡ rời xa.  **b. Cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện**  – Cốt truyện xoay quanh tâm trạng của chàng trai và cô gái khi tiễn đưa cô gái về nhà chồng và khi chứng kiến cô bị người chồng đánh đập.  – Nhân vật: 2 tuyến: thiện – ác:  + Thiện, tốt: chàng trai, cô gái  + Ác, xấu: gia đình nhà chồng cô gái  – Người kể chuyện: chàng trai.   1. **c. Nội dung** 2. **\* Tình cảnh của chàng trai và cô gái:** 3. “Anh yêu em, lẽ tiễn đưa em đến tận nhà chồng…” 4. **🡪** Chàng trai và cô gái nói với nhau về tình cảnh của hai người: Họ yêu nhau chưa được bao lâu thì cô gái bị ép gả lấy người khác. Chàng trai tiễn đưa người yêu về nhà chồng. 5. **\* Tâm trạng của chàng trai và cô gái khi tiễn đưa cô gái về nhà chồng**   **– Tâm trạng của chàng trai:**  + Đau khổ, xót xa, lưu luyến không nỡ rời xa: “Anh yêu em, lẽ tiễn đưa… anh quay đi”.  + Rối bời, đau đớn, tuyệt vọng, nhận ra tình yêu chưa trọn vẹn: “Nước đập bè chìm/ Sóng xô bè vỡ/Bè chìm trôi ba suối mất rồi/Đôi ta yêu nhau chưa trọn một ngày…”.  + Chấp nhận với thực tại: “Tiễn đưa em, thôi anh quay lại, em ơi!”  + An ủi cô gái, hẹn thề sắt son, hẹn ước đoàn tụ: “Không lấy được nhau… góa bụa về già”.  🡪 *Tình yêu sâu nặng, tha thiết.*  **– Tâm trạng của cô gái:**  + Níu kéo, không muốn xa rời người yêu: “Đừng vội anh, đừng vội”, “Sao Khun Lú… còn chờ”.  + Cô đơn, nhớ thương: “Đôi ta xa nhau dằng dặc nỗi niềm tưởng nhớ”  + Đau khổ, đắng cay: “Đừng bỏ em… sóng thác trào dâng!”.  🡪 *Khắc khoải, bồn chồn, đau khổ, đắng cay.*  *🡪 Cả hai nhân vật đang sống trong tâm trạng đau khổ, nhớ thương, quyến luyến không muốn chia tay.*  **\* Hoàn cảnh của cô gái ở nhà chồng**  – Hoàn cảnh của cô gái khi ở nhà chồng: bị hắt hủi, đánh đập tàn nhẫn. (Cô bị người chồng đánh đập, hành hạ dã man, tàn bạo, người chồng “trợn mắt ra tay”, “vụt tới tấp” khiến cô “ngã lăn chiêng”, “ngã lăn đùng”, “ngã không kịp chống kịp gượng”.)  **\*Cử chỉ, thái độ của chàng trai khi chứng kiến cảnh cô gái bị hắt hủi, đánh đập:**  + Xót xa, thương cảm: “Cơ khổ thân em bụi lấm chôn vùi”  + Ân cần chăm sóc, an ủi, vỗ về: “Dậy đi em... búi hộ”  + Làm thuốc cho cô gái uống: “Anh chặt tre… khỏi đau”  + Động viên, chia sẻ: “Tơ rối đôi ta… cán thuôn”.  🡪 Niềm xót xa, thương cảm sâu sắc của chàng trai đối với nỗi đau của cô gái.  **\*Lời khẳng định tình yêu son sắt của chàng trai:**  - Khẳng định tình yêu dẫu cho có chết cũng không chia lìa “Chết ba năm…song song.”  - Khẳng định tình yêu mãi không lay chuyển, dù có thế nào thì vẫn mãi mãi một lòng thủy chung “Lời đã trao…không nghe”  🡪 *Nhận xét: Chàng trai là người có những phẩm chất tốt đẹp:*  *- Giàu nghĩa tình: Thấu hiểu nỗi đau khổ của người yêu; quan tâm chu đáo đối với người mình yêu khi chứng kiến người yêu bị hành hạ, đánh đập; Thuỷ chung son sắt trong tình yêu…*  *- Giàu nghị lực: Trong đau khổ vẫn không tuyệt vọng, vẫn an ủi, động viên người yêu với ước hẹn tương lai hai người sẽ kết duyên đôi lứa “Đôi ta yêu nhau đợi đến tháng năm lau nở… goá bụa về già”*  **🡪 Cảm hứng chủ đạo:** Cảm hứng cảm thương: tác giả thể hiện sự đồng cảm với nỗi lòng cô gái.  **d. Hình thức nghệ thuật**  - Cách xưng hô: “em yêu” hay “anh yêu em” => cách gọi đậm chất trữ tình, đặc trưng cho lời ăn tiếng nói của đồng bào Thái.  - Hình ảnh cặp đôi gắn bó quen thuộc trong đời sống tự nhiên, đời sống sinh hoạt rất gần gũi, với những so sánh cụ thể, tự nhiên: + Hình ảnh từ đời sống tự nhiên: cá - nước, lúa - ruộng, mùa nước đỏ - cá về, chim tăng ló - gọi hè, chết thành sông - nước uống mát lòng, chết thành đất – dây trầu xanh thẳm, chết thành bèo – trôi nổi ao chung…  + Hình ảnh từ đời sống sinh hoạt: chết thành muôi - múc xuống cùng bát,  + Hình ảnh quen thuộc trong cuộc sống người dân miền núi: chim chích trên cao lượn vòng, chim nhạn bay quanh nhà, nước đập bè chìm, sóng xô bè vỡ,…  🡪 *Tác dụng: Khắc hoạ:*  + Màu sắc dân tộc (hình ảnh thiên nhiên và cuộc sống xã hội; hình tượng nhân vật với ngôn ngữ, tâm lí, tính cách của người dân miền núi).  + Tình yêu tha thiết, thuỷ chung của chàng trai dành cho cô gái.  - Biện pháp lặp cấu trúc:  + Chỉ cá liền với nước/Chỉ lúa liền với ruộng.  + Đừng bỏ em trơ trọi giữa rừng/Đừng bỏ em giữa dòng thác trào dâng.  + Đôi ta yêu nhau đợi đến tháng năm lau nở/Đợi mùa nước đỏ cá về/Đợi chim tăng ló hót gọi hè/Không lấy được nhau mùa hạ, ta sẽ lấy nhau mùa đông/Không lấy nhau được thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi goá bụa về già.”  + Chết ba năm hình còn treo đó/Chết thành sông, vục nước uống mát lòng/… Chết thành hồn, chung một mái, song song.  + Yêu nhau, yêu trọn đời gỗ cứng/yêu nhau, yêu trọn kiếp đến già.  🡪 Giá trị biểu cảm: Nhấn mạnh sự thủy chung son sắt trong tình yêu của chàng trai và cô gái, đồng thời khẳng định khao khát được đoàn tụ của họ.  **e. Thông điệp**  + Khát vọng hạnh phúc và tình yêu chung thủy, khát vọng được giải phóng, được sống trong tình yêu.  + Những đau khổ trong tình yêu và hôn nhân của người dân tộc miền núi trong xã hội cũ.  + Sự phản kháng tập tục hôn nhân lạc hậu của người Thái xưa và khát vọng giải phóng khỏi tập tục hôn nhân đó.  🡪 Ý nghĩa của thông điệp với cuộc sống hôm nay:  + Sự thuỷ chung là vẻ đẹp vĩnh hằng của tình yêu đôi lứa.  + Quan niệm về tình yêu và hôn nhân lành mạnh là vấn đề mang tính thời sự với lớp trẻ hiện nay.  + Giải phóng đồng bào miền núi khỏi tập tục lạc hậu, xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ. |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:**

**-** HS hiểu được kiến thức trong bài học để tổng kết bài học, liên hệ, mở rộng.

**b. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập:  - HS làm việc cặp đôi, chia sẻ kết luận về giá trị đoạn trích “Lời tiễn dặn”, một số kinh nghiệm đọc được rút ra.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cặp đôi  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **III. TỔNG KẾT**  **1. Giá trị đoạn trích**  - Nội dung:  + Bi kịch tình yêu, hôn nhân của chàng trai và cô gái – bi kịch của người Thái trong xã hội trước đây.  + Vẻ đẹp tấm lòng thuỷ chung và ước nguyện hạnh phúc lứa đôi của chàng trai, cô gái, phản ánh vẻ đẹp tâm hồn và khát vọng giải phóng khỏi những tập tục lạc hậu của đồng bào dân tộc Thái.  - Nghệ thuật:  + Thể hiện đặc điểm truyện thơ dân gian với sự kết hợp tự sự và trữ tình.  + Chất dân tộc và màu sắc miền núi của tác phẩm.  **2. Phương pháp đọc hiểu truyện thơ dân gian**  - Vận dụng đặc điểm truyện thơ dân gian để đọc hiểu văn bản. (về đề tài - chủ đề, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ,…)  - Với đoạn trích, cần chú ý xác định vị trí đoạn trích trong tác phẩm. (vị trí về cốt truyện, chủ đề, nghệ thuật) |

GV soạn: Nguyễn Thị Thái Hà - 0983768821

**PHẦN THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:**

**Tiết …: TÔI YÊU EM (Pu-skin)**

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**1. Kiến thức**

- Phân tích và đánh giá một số yếu tố trong văn bản thơ: chủ thể trữ tình, vần và nhịp, từ ngữ hình ảnh trong thơ, chủ đề tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản “Tôi yêu em”.

- Biết yêu quý, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn con người.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung:*

**+** Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác.

**+** Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.

**+** Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản, phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.

- *Năng lực đặc thù:* Phát triển năng lực ngôn ngữ văn học nhằm đáp ứng các yêu cầu sau:

**+** Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản “Tôi yêu em”.

**+** Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác phẩm “Tôi yêu em”.

**+** Năng lực hợp tác trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung và nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

**+** Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất**

- Học sinh hiểu và liên hệ tới tình yêu cao cả, cách ứng xử đẹp trong tình yêu

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên**

* Giáo án;
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
* Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà.

1. **Chuẩn bị của HS**

- SGK Ngữ Văn 11, vở ghi.

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn bài học.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**

**-** Tạo tâm thế thoải mái cho HS và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học, giúp HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Sản phẩm**

- Tổ chức trò chơi: Có 1 bức tranh với 4 mảnh ghép, 4 mảnh ghép tương ứng với 4 câu hỏi.

- HS trả lời các câu hỏi để mở các mảnh ghép.

# c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Tổ chức trò chơi: Có 1 bức tranh với 4 mảnh ghép, 4 mảnh ghép tương ứng với 4 câu hỏi.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời các câu hỏi để mở các mảnh ghép.  - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS mở các mảnh ghép để tìm ra đáp án ở bức tranh.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV chốt ý và dẫn dắt vào bài học.  - GV cho HS xem đoạn film giới thiệu về Pu-skin. | **GV gợi dẫn vào bài học bằng trò chơi như sau**   |  | | --- | | A screenshot of a game  Description automatically generated |   **Câu 1:** Tên của Thủ đô nước Nga?  *Mát-xcơ-va(moscow)*  **Câu 2:** Loài cây được xem là biểu tượng của nước Nga?  *Cây bạch dương*  **Câu 3:** Đây là cung điện nổi tiếng ở Nga được đặt tên theo mùa giá lạnh nhất?  *Cung điện mùa đông*  **Câu 4:** Đây là tên gọi của quảng trường nổi tiếng nhất tại Thủ đô nước Nga?  *Quảng trường Đỏ* |

# HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG

**a. Mục tiêu:**

**-** Tìm hiểu một số thông tin về tác giả Pu-skin và tác phẩm “*Tôi yêu em*”.

**b. Sản phẩm học tập:**

**-** Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên yêu cầu HS đọc văn bản và tìm hiểu các thông tin về văn bản:  + Tác giả  + Tác phẩm: Hoàn cảnh sáng tác, nhan đề  + Bố cục  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận nhóm, đọc và thực hiện nhiệm vụ  Thời gian: 10ph  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm chia sẻ và trả lời  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Aleksandr Sergeyevich Pushkin (A- lếch -xan - đơ Sơ -  gơ - vích Puskin).  - Năm sinh: 1799 – 1837.  - Là một nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng người Nga;  - Sinh ra tại TP Mát-xcơ-va, trong một gia đình quý tộc Nga;  - Gắn bó sâu sắc với số phận nhân dân và đất nước;  - Dũng cảm đấu tranh với chế độ chuyên chế Nga hoàng độc đoán.  - Được tôn vinh:  + Đại thi hào;  + Mặt trời thi ca Nga;  🡪 Ông đã có những đóng góp to lớn trong việc phát triển ngôn ngữ văn học Nga hiện đại.  **2. Tác phẩm**  **a. Hoàn cảnh sáng tác**  **- Hoàn cảnh ra đời:** Mùa hè năm 1829, Pu-skin ngỏ lời cầu hôn A.Ô-lê-nhi-na nhưng không được nàng nhận lời và bài thơ đã ra đời như chuyện tình đơn phương của ông.  **b. Nhan đề**  Bài thơ vốn không có tiêu đề, dịch giả Thúy Toàn đã lấy điệp khúc “Tôi yêu em” để đặt nhan đề cho tác phẩm  **- Đại từ “tôi”**  + Có thể là Pushkin  + Có thể là bất cứ trái tim yêu nào của một người con trai nào dành cho cô gái mình yêu  **- Cặp xưng hô “tôi”– “em”**  + Gợi khoảng cách xa cách trong mối quan hệ  + Gợi lên mối quan hệ tình yêu đơn phương  **c. Bố cục**  Bài thơ chia làm 3 phần  + Phần 1: Bốn câu đầu: Những mâu thuẫn giằng xé trong tâm trạng nhân vật trữ tình  + Phần 2: câu 5 và 6: Thể hiện nỗi đau tuyệt vọng  + Phần 3: Hai câu còn lại: Sự chân thành vị tha cao thượng của nhân vật trữ tình. |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

* 1. **Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ các chi tiết, nhân vật, đề tài và mối quan hệ giữa chúng; nhận biết và hiểu được thông điệp của tác giả qua văn bản *Tôi yêu em*

**b. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Tôi yêu em* và chuẩn kiến thức GV.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| 1. ***Đọc hiểu văn bản***   **Nhiệm vụ 1: Khổ thơ đầu: Tâm trạng phức tạp của nhân vật trữ tình**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm nhỏ (4 – 6 HS) đọc văn bản *Tôi yêu em* và trả lời câu hỏi:  *+ Tình yêu của nhân vật trữ tình dành cho em được thể hiện như thế nào?*  *+ Mạch thơ ở khổ đầu có sự thay đổi đột ngột thể hiện điều gì?*  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 - 2 HS đại diện trình bày kết quả chuẩn bị.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Câu thơ 5, 6: Nỗi khổ đau và tuyệt vọng của nhân vật trữ tình**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm nhỏ (4 – 6 HS) đọc văn bản *Tôi yêu em* và trả lời câu hỏi:   * *Tình yêu của nhân vật tôi được thể hiện như thế nào qua 2 câu thơ tiếp theo?* * *Việc sử dụng các từ chỉ trạng thái cảm xúc có tác dụng gì?*   **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 - 2 HS đại diện trình bày kết quả chuẩn bị.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: Câu thơ 7, 8: Sự cao thượng trong tình yêu**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi:   * *Qua những dòng thơ cuối tác giả muốn thể hiện tình yêu như thế nào với nhân vật em? Đồng thời qua đó thể hiện nhân vật trữ tình là người như thế nào?*   **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 - 2 HS đại diện trình bày kết quả chuẩn bị.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản:**  - Nhân vật trữ tình: “Tôi” – nội dung bài thơ là lời thổ lộ mối tình đơn phương của chính “tôi”.  - Điệp khúc: “*Tôi yêu em*”:  🡪 Cảm xúc dâng trào, da diết, liên tiếp như những đợt sóng.  **1. Khổ thơ đầu: Tâm trạng phức tạp của nhân vật trữ tình**  *“Tôi yêu em đến nay chừng có thể*  *Ngọn lửa tình chưa hẳn đã tàn phai*  *Nhưng không để em bận lòng thêm nữa*  *Hay hồn em phải gợn bóng u hoài.”*  - Cách xưng hô: “*Tôi yêu em*”  🡪 Quan hệ vừa gần vừa xa, vừa rụt rè, vừa đằm thắm.  - “*Tôi yêu em: đến nay chừng có thể*”  🡪 Lời bày tỏ chân thành, tình yêu đã có từ lâu và hiện tại vẫn yêu.  - Hình ảnh: “*ngọn lửa tình*”  🡪 Tình yêu cháy bỏng, nồng nhiệt.  - **Từ ngữ: “*chưa hẳn*”**  **🡪** Mang tính phủ định- tình yêu chưa hoàn toàn lụi tắt;  🡺 Một tình yêu tha thiết, thủy chung.   * Đối lập:   *+ “nhưng không để em bận lòng”*  🡪 Chàng trai hiểu cho sự khó xử của cô gái nên đã dập tắt tình yêu của mình.  + tình cảm (nồng nàn) >< lí trí (kìm nén)  🡪 Lời giã từ tình yêu đầy đau đớn nhưng cũng là sự thể hiện của một tâm hồn đầy vị tha, chân thành.  **2. Câu thơ 5, 6: Nỗi khổ đau và tuyệt vọng của nhân vật trữ tình:**  *“Tôi yêu em âm thầm, không hi vọng*  *Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen.”*   * Điệp khúc: “*Tôi yêu em*”   🡪 Tình yêu dai dẳng và bền bỉ.  - Các cung bậc cảm xúc: *âm thầm, không hi vọng, rụt rè. ghen tuông.*  🡪 Puskin đã thừa nhận sự bất lực của lí trí trước tình cảm.  🡺 Tình yêu đơn phương với nhiều trạng thái cảm xúc: lúc thì lặng lẽ, kìm nén tình cảm, lúc thì ghen tuông dữ dội.  **3. Câu thơ 7, 8: Sự cao thượng trong tình yêu:**  *“Tôi yêu em, yêu chân thành, đằm thắm*  *Cầu em được người tình như tôi đã yêu em.”*   * Điệp khúc: “*Tôi yêu em*”   🡪 Sự dâng trào cảm xúc của tình yêu từ đầu đến cuối.   * Những sắc thái cảm xúc: chân thành, đằm thắm   🡪 Một tình yêu trong sáng, dịu dàng, sâu sắc.   * **Lời cầu chúc:**   **+** Sự cao thượng, tấm lòng vị tha của chàng trai trong tình yêu;  **+** Sự tự hào, tự tin, hi vọng, chờ đợi vào tình yêu của mình. |
| ***2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối***  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ**: Sưu tầm một số bài thơ về tình yêu của Pu-skin và của một số nhà thơ khác.**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện sưu tầm thơ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo. | 1. **Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối**   **MỘT CHÚT TÊN TÔI ĐỐI VỚI NÀNG**  *Một chút tên tôi đối với nàng Sẽ chìm như tiếng sóng buồn lan Âm thầm mòn mỏi bên bờ vắng, Như tiếng đêm thâu lạc giữa ngàn.*  *Ngày nào đó trên lưu trang kỷ niệm Nó chỉ còn là dấu vết không hồn Giống như hình phác trên mộ chí Nét ngoằn ngoèo một thứ tiếng xa xăm.*  *Tên cũ từ lâu bị lãng quên Chẳng còn gợi lại được cho em Tình xưa êm ái và trong trắng Trước mối tình ai mới dấy lên.*  *Nhưng nếu gặp ngày buồn rầu đau đớn Em thầm thì hãy gọi tên lên Và hãy tin còn đây kỷ niệm Em vẫn còn sống giữa một trái tim.*  **NGÀI VÀ ANH, CÔ VÀ EM**  *Nàng buột miệng đổi tiếng ngài trống rỗng*  *Thành tiếng anh thân thiết đậm đà*  *Và gợi lên trong lòng đang say đắm*  *Bao ước mơ tràn hạnh phúc reo ca.*    *Trước mặt nàng tôi trầm ngâm đứng lặng*  *Không thể rời ánh mắt khỏi nàng*  *Và tôi nói: Thưa cô, cô đẹp lắm*  *Mà thâm tâm: Anh quấ đỗi yêu em!*  **KHÔNG ĐỀ (Lermontov)**  *Không! Tôi nào nữa yêu em*  *Mộng xưa đau đớn cuồng điên qua rồi*  *Như nơi sâu kín lòng tôi*  *Hồn em vẫn sống tuy vời vợi xa.*  *Đã say mộng mới thiết tha*  *Nhưng hình ảnh ấy dễ là đã quên*  *Tượng thờ dù đổ vẫn thiêng*  *Miếu thờ bỏ vắng vẫn nguyên miếu thờ.* |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:**

-Củng cố lại kiến thức về văn bản *Tôi yêu em*.

**b. Sản phẩm:**

-Câu trả lời HS chọn

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận, tổng kết đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “Anh hùng tiếng đã gọi rằng”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, Viết lên bảng | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Đoạn trích thể hiện sự biết ơn chân thành, tha thiết của Kiều với Từ Hải.  - Xây dựng thành công hình tượng người anh hùng Từ Hải với lí tưởng, hành động và kì tích phi thường.  - Qua đoạn trích, tác giả đã gửi gắm ước mơ và quan niệm anh hùng trong thời đại phong kiến xưa.  **2. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ điêu luyện, kết hợp tài tình giữa ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ bác học.  - Vận dụng các hình thức lời thoại linh hoạt, tự nhiên. |

**BÀI 1: THƠ VÀ TRUYỆN THƠ**

**Tiết 6: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NỖI NIỀM TƯƠNG TƯ**

**(Trích truyện thơ Bích Câu kì ngộ)**

**Vũ Quốc Trân**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

- HS nhận biết, vận dụng những hiểu biết về thơ trữ tình (giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như ngôn từ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ,…) để đọc hiểu bài truyện thơ.

- Cảm nhận được tâm trạng tương tư của chàng trai về cô gái.

- Nhận ra vẻ đẹp bài thơ thông qua nội dung, nghệ thuật của bài.

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Nỗi niềm tương tư.

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Giúp giáo dục HS về văn hóa tình yêu.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

# III. Tiến trình dạy học

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Sản phẩm: nhận thức và thái độ học tập của HS.**

# c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV cho HS trả lời câu hỏi:dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy sắp xếp các tranh dưới đây theo đúng thứ tự câu chuyện được nêu trong phần nội dung giới thiệu bối cảnh đoạn trích.  A couple of people in a room  Description automatically generated  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS thảo luận theo bàn, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Gv gọi 2, 3 nhóm HS trả lời  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | Đáp án: 1 – 4 – 2 – 3.  GV dẫn dắt vào bài học: Tình yêu là một trong những đề tài quen thuộc trong thơ ca, bởi có lẽ sức mạnh của tình yêu, niềm say mê và nỗi lòng cuồng nhiệt đã cuốn con người vào thế giới thần tiên, mơ mộng. Mỗi bài thơ, mỗi nhà thơ là một thế giới riêng, một nhu cầu, một khao khát riêng không ai giống ai. Và đoạn trích Nỗi niềm tương tư thuộc tác phẩm Bích Câu kì ngộ cũng không ngoại lệ. Đây là một câu chuyện tình mang màu sắc hoang đường nhưng phía sau đó là chuyện tình về một vấn đề xã hội. Tác phẩm bộc lộ một quan niệm nhân sinh muốn thoát ly thế giới thực tại. Để khám phá chi tiết về đoạn trích, chúng ta hãy cùng nhau bắt đầu bài học hôm nay. |

# HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

**b. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tác giả***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  + Em hãy nêu những hiểu biết của mình về tác giả Vũ Quốc Trân?  + Em hãy cho biết thể loại của văn bản “Nỗi niềm tương tư”?  + Nêu vị trí, xuất xứ của văn bản “Nỗi niềm tương tư”?  + Xác định PTBĐ ?  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời.  **\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả Vũ Quốc Trân**  - Vũ Quốc Trân (không rõ năm sinh – năm mất) ông là người làng Đan Loan thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.  - Ông sinh sống tại phố Hàng Đào, Hà Nội.  - Là người thông minh, học rộng tài cao, Vũ Quốc Trân được gọi là “cụ Mền ĐạiLợi” bởi ông đã từng đỗ mấy khoa tú tài.  - Vũ Quốc Trân đã từng dạy học tại nhà, có rất nhiều người đến theo học ông, một số học trò của ông còn làm quan lớn trong triều.  - Tương truyền rằng Vũ Quốc Trân chính là tác giả của tác phẩm truyện thơ Bích Câu kỳ ngộ.  **2. Tìm hiểu tác phẩm Nỗi niềm tương tư**  **a. Thể loại**  Nỗi niềm tương tư thuộc thể loại truyện thơ Nôm  **b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác**  “Nỗi niềm tương tư” trích trong tác phẩm truyện thơ “Bích cầu kì ngộ”  **c. Phương thức biểu đạt**  Tự sự |
| ***2. Hoạt động đọc văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  + Đọc văn bản và tóm tắt tác phẩm?  + Theo em, đặt nhan đề đoạn trích là “Nỗi niềm tương tư” có hợp lí không? Vì sao?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ và trả lời.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **2. Đọc văn bản: Nỗi niềm tương tư**  **a. Tóm tắt văn bản**  Bích Câu kì ngộ (Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Bích Câu) là truyện thơ Nôm, viết theo thể thơ lục bát, gồm 678 câu. Đây là câu chuyện tỉnh yêu giữa Tú Uyên và Giáng Kiều. Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Nhờ chăm lo việc học hành, chàng trở thành một văn nhân nổi tiếng ở đất Thăng Long. Nhân ngày xuân, đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, Tủ Uyên gặp một tiểu thư xinh đẹp, nhưng chưa kịp làm quen thì nàng đã đi mất. Về nhà, chàng tương tư người đẹp rồi sinh bệnh. Theo lời dặn của một vị thần trong mộng. Tú Uyên ra Cầu Đông, đợi từ sáng đến tối thì thấy một người bán bức tranh tố nữ có hình dạng giống hệt người thiếu nữ đã gặp trong hội chùa. Chàng mua bức tranh, treo ở thư phòng, sớm khuya cùng người trong tranh tâm sự. Một hôm, Tủ Uyên bận việc học nên về muộn. Về đến nhà, thấy có một mâm cơm thịnh soạn bày sẵn, chàng lấy làm lạ nhưng vẫn ngồi vào ăn. Hôm sau, chàng giả vờ đến nơi học nhưng quay về nhà, nấp vào một chỗ quan sát. Điều kì lạ xảy đến: thiếu nữ trong tranh bước ra, lo việc nhà cửa, cơm nước. Càng lạ lùng hơn, thiếu nữ đó lại chính là người chàng đã gặp hôm đi chơi hội. Tú Uyên mừng rỡ, bước ra chào hỏi. Người thiếu nữ cho biết tên là Giảng Kiểu, vốn người cõi  tiên, vì có tiền duyên với chàng nên xuống hạ giới để kết duyên. Giáng Kiều còn hoá phép ra lâu đài nguy nga với kẻ hầu người hạ. Hôn lễ Tú Uyên - Giảng Kiều được tổ chức rất linh đình, có cả các bạn tiên xuống dự. Cuộc sống đang hạnh phúc thì Tú Uyên rơi vào cảnh rượu chè. Giáng Kiều khuyên can nhưng không được, nàng bèn bỏ đi. Tỉnh rượu, Tủ Uyên hết sức đau khổ và hối hận. Tuyệt vọng, chàng định tìm đến cái chết. Giáng Kiều quay về tha lỗi cho chồng. Tỉnh nghĩa hai người mặn nồng hơn xưa và họ sinh được một người con trai đặt tên là Trần Nhi. Nghe lời Giáng Kiều khuyên, Tủ Uyên học phép tu tiên và hai vợ chồng cùng bay về cõi tiên. Ít lâu sau, Trần Nhi cũng cưỡi cá kinh theo cha mẹ về tiên giới.  Đoạn trích “Nỗi niềm tương tư” diễn tả tâm trạng Tú Uyên sau khi gặp người đẹp ở hội chùa Ngọc Hồ.  **b. Nhan đề:**  - Nhan đề đoạn trích: nỗi tương tư, nhớ nhung da diết, mòn mỏi của Tú Uyên khi nhớ về người con gái mới gặp một lần. |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản.

**b. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1.Đọc hiểu văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV tổ chức hoạt động thảo luận nhóm - hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản:  Nhóm 1, 2: Chỉ ra cử chỉ và hành động nói lên tâm trạng tương tư của Tú Quyên  Nhóm 3, 4: Chỉ ra điểm nổi bật của truyện thơ Nôm: yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS thảo luận nhóm và trình bày sản phẩm ra bảng phụ.  - GV gọi hs nhận xét chéo, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện HS trình bày sản phẩm.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  ***- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*** | **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **1. Tâm trạng tương tư của Tú Uyên**  - “Lần trăng ngơ ngẩn ra về”: Chàng trai thơ thẩn bước đi khi nghĩ đến cô gái.  - “Nỗi nàng canh cánh nào quên”: Trong đầu chàng trai toàn làn hình bóng lần gặp đầu tiên với cô gái.  - “Có khi gảy khúc đàn tranh/ Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân”: Vừa đánh đàn tranh vừa nhớ đến cô gái.  - “Có khi chuộc chén rượu đào,.... Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình”: Những lúc uống rượu chàng lại càng nhớ nhung hơn, nhờ hơi men mà chàng còn hình dung ra giọng của nàng.  → Chàng đang chìm đắm, sống trong tâm trạng tương tư về người đẹp.  - Biện pháp nghệ thuật:  + Nhân hóa “lần trăng ngơ ngẩn ra về”  + So sánh “Hơi men không nhấp mà say/ Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình”  + Điệp cấu trúc “Có khi…”  → Giúp đoạn trích bộc lộ rõ nét được tâm trạng tương tư, thầm thương, trộm nhớ của Tú Uyên, nỗi nhớ ấy không nguôi, ngày đêm mơ tưởng đến bóng dáng người thiếu nữ ấy.  **2. Yếu tố tự sự và trữ tình trong đoạn trích Nỗi niềm tương tư**  - Về yếu tố tự sự: đoạn trích xoay quanh câu chuyện của chàng Tú Uyên sau khi gặp thiếu nữ xinh đẹp đã về nhà tương tư, thầm nhớ nhung.  - Về yếu tố trữ tình, truyện tập trung bộc lộ yếu tố đó thông qua tâm trạng của nhân vật Tú Uyên. Đoạn trích là dòng tâm trạng, cảm xúc, giúp chúng ta đi sâu vào thế giới của những suy tư, nỗi niềm tâm trạng tương tư của nhân vật trong tình yêu. Ngoài ra, chất trữ tình còn được bộc lộ qua khung cảnh thiên nhiên. Việc xuất hiện của thiên trong trong truyện thơ được gắn chặt với việc thể hiện tâm tình nhân vật. |
| **2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối**  \*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS: So sánh hai đoạn thơ nói về tâm trạng tương tư của Tú Uyên trong “Bích Câu kì ngộ” và của Kim Trọng trong “Truyện Kiều”:  - Lần trăng ngơ ngẩn ra về,  Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên.  Nỗi nàng canh cánh nào quên,  Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là?  (Bích Câu kì ngộ)  - Chàng Kim từ lại thư song  Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.  Sầu đong càng lắc càng đầy,  Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.  (Truyện Kiều  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm bài.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **3. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối**  - Giống nhau: Cả hai đoạn thơ đều là nỗi niềm Kim Trọng về một người con gái.  - Khác nhau:  + Nỗi nhớ của Tú Uyên: Chàng vừa gặp cô gái ấy trong một lần ở hội chùa mà đã nhớ mãi không quên. Vẻ đẹp của nàng khiến Tú Uyên luôn “canh cánh” trong lòng khi chưa rõ mặt là ai cứ quanh quẩn chàng. Rõ ràng, Tú Uyên là một chàng thư sinh rất si tình, yêu từ lần gặp đầu tiên và khao khát tìm được nàng.ương tư của chàng Tú Uyên và chàng  + Nỗi nhớ của Kim Trọng: Chàng yêu nàng Kiều, tương tư nàng Kiều suốt ngày đêm, đến nỗi một ngày mà như ba năm “ba thu dọn lại một ngày dài ghê”. |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:**

**b. Sản phẩm:**

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu HS  - Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật***.***  - Sau khi học xong văn bản em hãy rút ra cách đọc văn bản theo thể loại truyện thơ Nôm  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật.**  Giá trị nội dung  “Nỗi niềm tương tư” là đoạn trích trong Bích cầu kì ngộ thể hiện rõ nét tâm trạng của chàng Tú Uyên đem lòng thương nhớ, tương tư nàng Giáng Kiều thiếu nữ bất kể ngày lẫn đêm. Nỗi nhớ người trong mộng đó khôngchỉ được thể hiện ở suy tư của chàng thư sinh mà còn được bộc lộ, thể hiện bằng cử chỉ. Nỗi nhớ đó dù đã được bộc lộ nhưng vẫn “ngổn ngang” không nguôi thể hiện một tình yêu đẹp, mạnh liệt của tâm hồn khi yêu.  **b. Giá trị nghệ thuật**  - Sử dụng thể thơ lục bát, kết hợp viết chữ Nôm, yếu tố tự sự, miêu tả đã tạo nên sự thành công của một tác phẩm truyện thơ:  + Tự sự: Câu chuyện về những ngày tháng tương tư của một chàng trai.  + Trữ tình: Thể hiện tâm tư, tình cảm, nỗi nhớ da diết.  **2. Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách đọc hiểu loại văn bản**  - Khi đọc hiểu truyện thơ Nôm, các em cần chú ý:  + Nhận biết những điểm tương đồng và khác biệt của truyện thơ Nôm so vớitruyện thơ dân gian.  + Thể thơ, tác giả (nếu có) và nguồn gốc của truyện thơ Nôm. |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn tập kiến thức đã học.

- Soạn bài “THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT”.

Bài 1:

THƠ VÀ TRUYỆN THƠ

**Tiết: 7**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆN PHÁP LẶP CẤU TRÚC**

**TÊN BÀI**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

❖ Học sinh nhận diện, phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và nói Tiếng Việt.

❖ **Học sinh hình thành** kỹ năng để nhận biết, phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ từ lặp cấu trúc.

**2. Kĩ năng**

❖ **Học sinh vận dụng** tạo lập các văn bản có sử dụng hiệu quả biện pháp tu từ từ lặp cấu trúc

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành cách phẩm chất chung: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Bồi dưỡng tình yêu tiếng mẹ đẻ trong mỗi HS, từ đó HS có ý thức trong việc sử dụng tiếng mẹ đẻ nói chung và biết cách sử dụng hiệu quả biện pháp tu từ từ lặp cấu trúc khi đọc và tạo lập văn bản nói riêng.

**II. Chuẩn bị trước giờ học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu** |
| **- Tìm hiểu kiến thức về phép tu từ lặp cú pháp.** | - Khái niệm phép tu từ lặp cú  - Các dạng lặp cú pháp  - Tác dụng của biện pháp tu từ cú pháp. |
| **- Vận dụng kiến thức về phép tu từ lặp cú pháp vào đọc hiểu và tạo lập** | - Vận dụng kiến thức vào đọc – hiểu văn bản có sử dụng biện pháp tu từ lặp cú pháp  - Tạo dựng văn bản có sử dụng biện pháp tu từ lặp cú pháp |
| **Liên hệ mở rộng** | - Chuẩn bị các câu thơ ở các văn bản thơ đã học có sử dụng biện pháp tu từ lặp cú pháp. |

**III. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, đồ dùng học tập

# IV. Tiến trình dạy học

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG (7p)**

**a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung thực hiện**:

❖ Chơi trò chơi: **Ai nhanh hơn**

❖ GV chiếu ngữ liệu, chọn 4 ngữ liệu có sử dụng biện pháp tu từ (liệt kê, lặp cấu trúc, ẩn dụ…), mỗi ngữ liệu hiện lên trong 30 giây, các đội xác định biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong ngữ liệu và phất cờ trả lời câu hỏi.

❖ HS xác định biện pháp tu từ và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ cú pháp trong ngữ liệu.

# ❖ GV có thể mở rộng yêu cầu HS đặt câu có sử dụng nghệ thuật tu từ lặp cấu trúc.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1.Khởi động.***  ***2. Hoạt động giới thiệu tri thức liên quan***  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập** GV chiếu ngữ liệu và yêu cầu  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh suy nghĩ và dự đoán  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học:  *- Xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ trong các ngữ liệu sau.*  a. Hai câu thơ này có dùng phép lặp cú pháp, tạo nên một thế đối xứng, có tác dụng khắc họa hình ảnh mọi con sóng (mọi con người) đều đang ở trong tâm trạng nhớ trương day dứt khôn nguôi. | **Ngữ liệu:**  a. *Con sóng dưới lòng sâu*  *Con sóng trên mặt nước.*  *(Sóng* – Xuân Quỳnh)  b*.  Thân em như trái bần trôi*  *Gió dập sóng dồi biết tát về đâu.*  (Ca dao)  c. *Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn*  *Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ*  *(Đại cáo bình Ngô* – Nguyễn Trãi)  d. *không ai chôn cất tiếng đàn*  *tiếng đàn như cỏ mọc hoang*  (*Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo) |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (3p)**

**a. Mục tiêu hoạt động**:

❖ **Học sinh nhận biết** và **phân tích được hiệu quả** của biện pháp tu từ lặp cấu trúc

❖ **Học sinh hình thành** thói quen sử dụng biện pháp tu từ nói chung và biện pháp tu từ lặp cấu trúc vào việc tạo lập văn bản nói và viết.

**b. Nội dung thực hiện:**

❖ Học sinh thực hiện bảng K – W – L - T kiến thức về biện pháp tu từ lặp cấu trúc

❖ Học sinh điền phần K và W

❖ Học sinh hoàn thiện bài tập trong sách cá nhân

❖ Học sinh điền bảng L – T cuối giờ học để tự đánh giá và chia sẻ kiến thức với các bạn

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên cho HS thực hiện bảng KWLT về từ Hán Việt  K: Điều đã biết  W: Điều muốn biết thêm  L: Điều học được  T: Điều sẽ dạy các bạn  **GV:**  *- Thế nào là biện pháp tu từ lặp cấu trúc?*  *- Tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc?*  **HS:** hoàn thiện bài tập trong SGK  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu bài tập 1,2,3  **- Thời gian**: 7 phút  - **Chia sẻ**: 3 phút  **- Phản biện và trao đổi**: 4 phút  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  **-** Giáo viên chốt những kiến thức  - Yêu cầu HS hoàn thiện kiến thức đã học vào phiếu học tập in sẵn | **● Phiếu K – W – L – T**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **K** | **W** | **L** | **T** | | Điều đã biết | Điều muốn biết thêm | Điều học được | Điều sẽ dạy các bạn |   **● Lí thuyết**  **1. Khái niệm:** Phép tu từ lặp cấu trúc là biện pháp lặp đi lặp lại một cấu trúc cú pháp của câu, trong đó có láy đi láy lại một số từ nhất và cùng diễn đạt một nội dung chủ đề.  **2. Tác dụng:**  - Nhấn mạnh, khẳng định hoặc khắc sâu nội dung hoặc hình ảnh mà tác giả hướng tới.  - Giúp lời văn trở nên hài hoà, có nhịp điệu, cân đối, tăng nhạc tính, tính tạo hình và biểu cảm cho văn bản. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (30p)**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ để nhận diện và nắm được hiệu quả của phép tu từ lặp cấu trúc

**b. Nội dung thực hiện**

HS vận dụng kiến thức đã học nhận diện, phân tích tác dụng của phép tu từ lặp cấu trúc

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ làm bài tập phiếu theo nhóm  - Chia lớp 4 nhóm làm bài tập trên phiếu bài tập 1,2 sgk/trg24, 25  - Làm bải tập nâng cao:  *-* Với Bài 1: GV hướng dẫn HS nhận diện được các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích để phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ ấy. GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc nhóm cặp đôi để hoàn thành bài tập. Yêu cầu HS tìm và phân tích tác dụng của biện pháp điệp cú pháp (lặp cấu trúc) trong bốn ngữ liệu là những câu thơ, câu văn. GV lưu ý cho HS nhận thấy mục đích và tác dụng của biện pháp lặp cấu trúc trong thơ và văn xuôi qua các đoạn  - Với Bài 2: GV hướng dẫn HS và giao nhiệm vụ cá nhân để hoàn thành bài tập này theo hai bước: tìm biện pháp lặp cú pháp và từ ngữ/mô hình cú pháp được lặp lại; phân tích tác dụng tu từ của biện pháp lặp cấu trúc được sử dụng trong các ngữ liệu của bài tập.  - Cuối giờ GV thu bài chấm, chữa trực tiếp trên lớp  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh lựa chọn và thực hành  - Cả lớp thực hành làm bài tập 3 trên phiếu học tập  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Bài 1,2:  + Nhóm 1,2: làm bài tập 1  + Nhóm 3,4: làm bài tập 2  - Bài 3: Học sinh trình bày phần bài làm của mình trên phiếu bài tập.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo  - GV chiếu bài thực hành của HS, chữa mẫu. Thu bài chấm chữa. | ***Bài tập 1.***  a. Biện pháp tu từ được sử dụng là *nhân hoá* (*chim chích ... gọi anh...; chim nhạn... nhủ anh...*), lặp cấu trúc (*anh quay lại; anh quay đi*).  **=> Tác dụng:**  - Việc sử dụng phép nhân hoá và lặp cấu trúc làm cho câu thơ tăng thêm tính biểu cảm và giàu tính hình tượng, nhạc tính cho câu thơ.  - Nhấn mạnh tình cảm tha thiết, day dứt của chàng trai dành cho người yêu.  b. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: lặp cấu trúc. Mô hình câu được lặp lại là “*Đừng bỏ X giữa Y*”.  **=> Tác dụng:**  - Tạo giọng điệu tha thiết, tính nhịp nhàng, cân đối cho câu thơ.  **-** Cách lặp lại này có tác dụng nhấn mạnh, biểu cảm, thể hiện tình cảm tha thiết của người yêu.  c. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: lặp cấu trúc. Mô hình câu được lặp lại là “*Không lấy được nhau mùa X, ta sẽ lấy nhau khi Y*”.  **=> Tác dụng:**  - Tạo giọng điệu tha thiết, tính nhịp nhàng, cân đối cho câu thơ.  **-** Cách lặp lại này vừa có tác dụng nhấn mạnh, biểu cảm vừa thể hiện tình cảm tha thiết, thề hẹn của người yêu.  ***Bài tập 2.***  a**. Cấu trúc cú pháp lặp lại:** “*Đây X là của chúng ta*”; “*Những + danh từ + động /tính từ*”.  => **Tác dụng**:  - Làm tăng thêm tính biểu cảm, tính hình tượng  - Khẳng định tình yêu quê hương đất nước tươi đẹp của tác giả, thể hiện tinh thần làm chủ non sông đất nước.  b. Cụm từ được lặp lại là: “*mùa xuân của X*” (“*mùa xuân của tôi*”; “*mùa xuân của Hà Nội*”); “*Có +X*” (“*có mưa* ri*êu r*i*êu, gió lành lạnh; có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh*”,...).  => **Tác dụng**:  - Làm tăng thêm tính biểu cảm, tính hình tượng  - Tô đậm vẻ tươi đẹp như một bức tranh của mùa xuân Hà Nội, thể hiện tình yêu, tự hào đối về vẻ đẹp quên hương.  c. Cấu trúc cú pháp được lặp lại trong khổ thơ là: “*Nếu là X tôi sẽ là Y*”.  => **Tác dụng**:  - Làm tăng thêm tính biểu cảm, tính nhịp điệu, cân đối cho câu thơ.  - Khẳng định về quyết tâm và tình yêu dành trọn cho quê hương, Tổ quốc.  d. Cấu trúc cú pháp được lặp lại trong đoạn trích này là: “*X là vì Y*” (“*Vua xa xỉ là vì ông, công khố hao hụt là vì ông, dân gian lầm than là vì ông, man di oán giận là vì ông, thần nhân trách móc là vì ông*”).  => **Tác dụng:**  - Làm tăng thêm tính biểu cảm, tính nhịp điệu của câu văn.  - Khẳng định về nguyên nhân gây nên những điều đồi bại.  ***Bài tập 3.***  - Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu sau:  + Dung lượng đoạn văn: 8  10 dòng.  + Nội dung đoạn văn: phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong bài thơ được chọn để phân tích, chỉ ra được tác dụng biểu cảm cao của việc lặp lại cấu trúc trong bài thơ. |

**PHIẾU BÀI TẬP 1**

**Bài 1 (sgk/24): Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong các ngữ liệu trích từ VB đọc hiểu *Tiễn dặn người yêu***

1. Biện pháp tu từ được sử dụng

Tác dụng:

1. Biện pháp tu từ được sử dụng

Tác dụng:

1. Biện pháp tu từ được sử dụng

Tác dụng:

**PHIẾU BÀI TẬP 2**

**Bài 2 (sgk/tr24): Phân tích tác dụng của biện pháp điệp cú pháp (lặp cấu trúc)**

1. Cách thức lặp:

Tác dụng:

1. Cách thức lặp:

Tác dụng:

1. Cách thức lặp:

Tác dụng:

**PHIẾU BÀI TẬP 3**

**Bài 3: Viết một đoạn văn ngắn phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong một bài thơ đã được học hoặc được đọc**

1. Văn bản thơ:

1. Đoạn văn:

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ (5p)**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh đưa ra các giải pháp/công cụ để sử dụng hiệu quả biện pháp tu từ lặp cú pháp trong tạo lập văn bản và các hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nói.

**b. Nội dung thực hiện:** HS viết, vẽ hoặc lập sơ đồ tư duy, video clip trình bày về giải pháp, công cụ của nhóm, sáng tác thơ, văn có sử dụng biện pháp tu từ lặp cú pháp.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Những lưu ý khi vận dụng kiến thức tiếng Việt**  **2. Củng cố, mở rộng :**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **-** Giáo viên giao nhiệm vụ  **-** *Sơ đồ hóa nội dung bài học*  *- Biện pháp tu từ lặp cấu trúc gồm những kiểu / dạng nào?*  *- Biện pháp tu từ lặp cấu trúc khác gì với hiện tượng lặp là một lỗi diễn đạt?*  *- Các tình huống sử dụng biện pháp tu từ lặp cú pháp trong thực tiễn?*  - Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hiện viết hoặc lập sơ đồ tư duy hoặc làm video giới thiệu, sáng tác thơ, văn có sử dụng biện pháp tu từ lặp cú pháp.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **1. Những lưu ý khi vận dụng kiến thức tiếng Việt**  **- Chiếu sơ đồ kiến thức bài học**  **2. Các kiểu/dạng lặp cấu trúc:**  - Lặp đủ (mô hình A-B-C/A-B-C)  - Lặp khác (mô hình A-B-C/A-B-D)  - Lặp thừa (mô hình A - B - C. A - B - C - D)  - Lặp thiếu (mô hình A - B - C.A - B).  **3. Điểm khác giữa biện pháp tu từ lặp cấu trúc với hiện tượng lặp diễn đạt**  - Biện pháp tu từ lặp cấu trúc: ngoài tạo liên kết câu và đoạn còn có hiệu quả nghệ thuật (tính nhịp điệu, nhạc tính, tạo hình, biểu cảm) và hiệu quả về mặt nội dung (nhấn mạnh ý nghĩa, biểu đạt thái độ, tình cảm của người viết, nói)  - Lặp diễn đạt chỉ nhằm tạo liên kết giữa các câu, đoạn văn trong văn bản.  **2. Củng cố, mở rộng :**  - Theo sách bài tập Ngữ văn 11 |

**IV. SAU GIỜ HỌC**

GV hướng dẫn HS:

* HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.
* Chuẩn bị nội dung viết: **Viết bài nghị luận xã hội – Về một tư tưởng, đạo lí.**

**PHẦN VIẾT**

**Tiết 9, 10: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

- Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lý;

- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một tư tưởng, đạo lý (luận đề)

- Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lý;

- Viết được bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý có bố cục mạch lạc, logic.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1/Chuẩn bị của giáo viên**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Những câu danh ngôn, những câu châm ngôn quen thuộc; những mẫu tin trên báo chí mang tính thời sự.

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2/Chuẩn bị của học sinh**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài.

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước).

-Đồ dùng học tập.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó. Trao đổi, chia sẻ về viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b. Sản phẩm:** Bài trình bày sản phẩm theo yêu cầu của GV (bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ).

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:  **Đề văn nào dưới đây không thuộc loại nghị luận về một tư tưởng đạo lí?**  **A.**      Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói: *Cái nết đánh chết cái đẹp?*  **B.**     Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu khẩu hiệu: *Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình.*  **C.** Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói: *Làm người thì không nên có cái tôi...nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi.*  **D.** Qua bài thơ Vội vàng, anh(chị) có suy nghĩ như thế nào về *quan niệm sốn*g của nhà thơ Xuân Diệu?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS suy nghĩ tìm câu trả lời đúng  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  -  HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn nghị luận nói chung, nghị luận về một tư tưởng, đạo lí nói riêng là kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiên truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, *ở* chương trình Ngữ văn lớp 10, chúng ta đã được học về thể văn nghị luận. Trong chương trình lớp 11, chúng ta sẽ tiếp tục hoàn thiện về thể văn này với một đề tài nghị luận khác: Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí. | - Quan điểm cá nhân của từng HS.  - Câu trả lời đúng: C  Đề văn: Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói: *Làm người thì không nên có cái tôi...nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi.* Là dạng đề nghị luận văn học về 1 ý kiến. |

**HOẠT ĐỘNG 2. TÌM HIỂU ĐỊNH HƯỚNG VIẾT**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu khi viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

**b. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại và lưu ý khi viết***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Định hướng (trang 25/SGK):  + Nêu đặc điểm của dạng bài nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí.  + Khi viết bài nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí, các em cần chú ý những gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | 1**. Một số tri thức về thể loại và yêu cầu cụ thể khi viết**  ***a. Đặc điểm bài nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí***  - Dạng bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí, đề văn thường nêu lên một câu danh ngôn hoặc ngạn ngữ, ca dao,…  - Ví dụ:  *+ Suy nghĩ về câu ngạn ngữ “Tay phải của mình là tay trái của người”.*  *+ Liệu có phải “Yêu nhau yêu cả đường đi/ Ghét nhau ghét cả tông ti họ hàng”?*  *+…*  ***b. Những chú ý khi viết bài nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí***  - Nhận biết đúng dạng đề bàn về tư tưởng, đạo lí.  - Tìm hiểu nội dung cụ thể của tư tưởng, đạo lí ấy, những điều chưa rõ cần giải thích và làm sáng tỏ.  - Xác định tính thời sự và ý nghĩa của vấn đề tư tưởng, đạo lí đối với xã hội nói chung, thế hệ trẻ nói riêng.  - Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.  - Thể hiện rõ thái độ, tình cảm khi bàn luận vấn đề, vận dụng được kiến thức và những trải nghiệm của người viết. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS thực hành luyện tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng để viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí.

**b. Sản phẩm:** Bài viết của HS.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động hướng dẫn thực hành***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV cho HS làm việc theo nhóm để hoàn thành bài tập:  **Suy nghĩ về câu cách ngôn: *“Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn”.***  Chia lớp thành 2 nhóm với 4 nhiệm vụ  NV1 Chuẩn bị  NV2 Tìm ý và lập dàn ý  NV3 Viết  NV4 Kiểm tra và chỉnh sửa  Mỗi NV, GV có thể chỉ định nhóm trưởng hoặc yêu cầu HS tự phân công NV.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS trong các nhóm tự phân công nhiệm vụ, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều làm việc và nêu ý kiến với nhóm trưởng.  Mỗi nhóm thu thập báo cáo của các thành viên, hoàn thiện sản phẩm chung.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  HS trình bày kết quả và thảo luận trao đổi về kết quả / sản phẩm đã làm được.  **NV1. Chuẩn bị**  - GV gọi HS trình bày.  - GV chiếu bài làm của HS, nhận xét, góp ý chung trước lớp.  **NV2. Tìm ý và lập dàn ý**  - GV yêu HS tìm ý và lập dàn ý theo hướng dẫn.  Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:  + “Cứ hướng về phái Mặt Trời bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn”: nghĩa là thế nào?  + Tại sao cứ hướng về Mặt Trời bóng tối lại ngả phía sau lưng bạn?  + Điều đó được thể hiện cụ thể như thế nào?  + Câu cách ngôn trên có giá trị gì?  - GV chiếu bài làm của HS, nhận xét, góp ý chung trước lớp.  **NV3. Viết**  - GV tổ chức cho HS viết bài theo hướng dẫn, có thể viết 1 luận điểm nào đó.  - GV chiếu bài làm của HS, nhận xét, góp ý chung trước lớp.  **NV4. Kiểm tra và chỉnh sửa.**  - GV yêu cầu HS xem xét, chỉnh sửa lại bài viết theo hướng dẫn ở mục  - HS sử dụng Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa ở Phụ lục.  GV gọi HS trình bày nội dung chỉnh sửa theo Phiếu và rút kinh nghiệm chung. HS nghe và ghi chép thêm các lưu ý của GV.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhấn mạnh những lỗi thường gặp trong trình bày bài.  ***2. Hoạt động rèn luyện kĩ năng viết và hướng dẫn chỉnh sửa bài viết.***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV cho HS viết hoàn thành bài tập:  Từ bài tập: Suy nghĩ về câu cách ngôn: *“Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn”,* các em hãy viết mở bài hoặc kết bài bằng một trong các cách đã nêu ở trên  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS viết trên nháp phần MB và KB  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  HS thảo luận trao đổi chéo (theo hình thức cặp đôi) về kết quả / sản phẩm đã làm được.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhấn mạnh những lỗi thường gặp và nêu cách sửa cho các bài làm của HS. | **1. *Thực hành theo các bước***  Để viết bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí, chúng ta cần thực hiện bốn bước:  **Bước 1: Chuẩn bị**   * Tìm hiểu đề để biết các thông tin chính như kiểu bài, vấn đề cần nghị luận, phạm vi dẫn chứng,… * Tìm các tư liệu liên quan đến vấn đề cần nghị luận (trong báo chí, tranh ảnh, câu chuyện,…).   **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**   * Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi là gì/ tại sao/ như thế nào/ …? * Lập dàn ý, sắp xếp ý theo bố cục 3 phần: Mở bài – Thân bài – Kết bài  |  |  | | --- | --- | | Mở bài | Dẫn dắt và nêu vấn đề  (giới thiệu câu cách ngôn: Cứ hướng về …) | | Thân bài | **1. Giải thích**  Đặt và trả lời câu hỏi là gì? Tại sao?  (giải thích các vế của câu nói (nếu có), giải thích ý nghĩa cả câu)  **2. Phân tích, chứng minh**  Vấn đề có biểu hiện như thế nào?  (- Cuộc sống với muôn vàn khó khăn, thử thách  - Cần đối diện với khó khăn và dũng cảm vượt qua  - Luôn tin tưởng vào những điều tốt đẹp,…)  Bằng chứng cụ thể là gì?  **3. Bàn luận**  Vấn đề có giá trị, vai trò ra sao?  Có tác động như thế nào đối với thế hệ, con người, xã hội? | | Kết bài | Tổng hợp vấn đề |   **Bước 3: Viết**  - Khi viết cần chú ý triển khai bài viết gồm ba phần lớn theo dàn ý. Đặc biệt, trong phần thân bài cần triển khai các luận điểm (đoạn), luận cứ hợp lí, lô gích.  -Luận điểm 1 (Đoạn 1)  -Luận điểm 2 (Đoạn 1) Làm rõ cho  -Luận điểm 3 (Đoạn 1) luận đề  - Các luận cứ trong mỗi luận điểm (đoạn) lại dùng lí lẽ, lập luận để làm rõ cho luận điểm đó  **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa**  - Đọc lại văn bản đã viết, đối chiếu các yêu cầu đã nêu ở mỗi bước, để:  + Kiểm tra về nội dung, hình thức của bài viết  +Nhận biết các lỗi còn mắc và cách sửa  + Tự đánh giá kết quả viết  **2. *Rèn luyện kĩ năng viết***  a. Cách thức viết MB, KB và câu chuyển đoạn  - Nhiệm vụ của MB là nêu lên vấn đề cần bàn luận trong bài viết. Có thể MB bằng cách nêu phản đề, nêu câu hỏi, so sánh,…  - Nhiệm vụ của KB là tổng hợp và gợi mở vấn đề có thể suy nghĩ tiếp từ nội dung cần bàn luận trong bài viết. Có thể KB bằng cách tóm lược vấn đề, phát triển vấn đề.  - Câu chuyển đoạn có nhiệm vụ liên kết các đoạn văn, đảm bảo sự liền mạch và lô gích cho đoạn văn.  b. Bài tập  Từ bài tập: Suy nghĩ về câu cách ngôn: “Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn”, các em hãy viết mở bài hoặc kết bài bằng một trong các cách đã nêu ở trên |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:** HS rút ra được kĩ năng viếtkiểu dạng bài Nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lí.

**b. Sản phẩm:** Hệ thống bài học bằng sơ đồ tư duy

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Rút ra cách viết kiểu văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận **cặp đôi** rút ra cách viết kiểu dạng bài Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Mỗi cặp HS rút ra cách viết riêng trên nháp  ***2.Củng cố, mở rộng*** | **1. Rút ra cách viết kiểu văn bản.**  - HS thảo luận theo nhóm đôi để hình thành sơ đồ tư duy  **2. Củng cố, mở rộng.**  - Thực hành củng cố thêm kỹ năng viết mở rộng với các vấn đề trong xã hội khác tại nhà  - Chuẩn bị sản phẩm báo cáo cho phần Nói – Nghe. |

**\*Tài liệu tham khảo**

**PHỤ LỤC**

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện kiểm tra, đánh giá** | **Câu hỏi kiểm tra** | **Chưa đạt**  **Đạt** |
| **Nội dung** | **– Mở bài:**  + Có giới thiệu được khái quát nội dung bài viết không? (Ở bài này là bàn về một lối sống tích cực qua một câu cách ngôn)  **– Thân bài:**  + Đã nêu được các nội dung cụ thể làm rõ cho nội dung khái quát đã nêu ở mở bài chưa? (Ở bài này là giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận câu cách ngôn).  + Bài viết đã đủ ý chưa? Các ý có phù hợp với vấn đề nghị luận và luận điểm không?  + Nội dung cụ thể: Lí lẽ và bằng chứng có sinh động, đặc sắc, giàu sắc thuyết phục không?  + Có phát biểu được những suy nghĩ và cảm xúc cá nhân sâu sắc không?  **– Kết bài:**  + Đã tổng hợp và gợi mở được vấn đề cần bàn luận trong bài chưa? (Ở bài này là ý nghĩa của lối sống tích cực). |  |
| **Hình thức** | + Bài viết có đủ ba phần và nội dung (độ dài) các phần có cân đối không?  + Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận trong khi viết hay chưa?  + Bài viết còn mắc những lỗi nào (dùng từ, đặt câu, chính tả,…)? |  |
| **Tự đánh giá** | + Mức độ đáp ứng yêu cầu mà bài viết đã đạt được?  + Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết? |  |

**TIẾT 11: NÓI VÀ NGHE:**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN**

**VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**Người soạn: Lê Thị Thanh Hồng - 0944189574**

1. **MỤC TIÊU BÀI DẠY**
   1. **Kiến thức**

* Quy trình thực hiện bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí.
* Kĩ năng dùng lời nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí.
* Kĩ năng nghe và nắm bắt được ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng đạo lí của người nói; biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.
  1. **Năng lực**
     1. **Năng lực đặc thù**
* Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội ( một tư tưởng, đạo lí).
* Biết nghe và nắm bắt được nội dung, hình thức của ý kiến đánh giá, bình luận.
* Chia sẻ, góp ý cho bài trình bày của bạn.
  + 1. **Năng lực chung**
* NL giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
* NL tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
  1. **Phẩm chất**

Rèn luyện để đạt kết quả tốt trong hoạt động luyện tập nói và nghe.

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Máy chiếu, micro, bảng, phấn/ bút lông.
* SGK, SGV.
* Đoạn video clip, tranh ảnh,… (nếu cần)

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

* + 1. ***Mục tiêu:***
* Xác định được những tình huống giao tiếp khi trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí.
  + 1. ***Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.
    2. ***Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***B1: Giao nhiệm vụ HT***  HS xem CLIP BÀI HÙNG BIỆN “ Lý tưởng sống của thanh niên” và trả lời các câu hỏi:   * Đoạn clip trên nói về vấn đề gì? Thử hình dung mục đích của người nói qua bài hùng biện đó? * Theo em, trong những tình huống nào chúng ta sẽ cần nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí?   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ HT:***  HS làm việc theo nhóm đôi để suy nghĩ câu trả lời.  ***B3: Báo cáo, thảo luận:*** 1 – 2 nhóm đôi HS trả lời câu hỏi; Các HS khác lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi (nếu có).  ***B4: Kết luận, nhận định:***   * GV ghi nhận các câu trả lời của HS, hướng dẫn HS tổng hợp một số tình huống cần trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí : buổi trò chuyện; buổi toạ đàm; buổi sinh hoạt câu lạc bộ,… | + Hs có thể hình dung nhiều tình huống khác nhau. |

**HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU ĐỊNH HƯỚNG NÓI VÀ NGHE**

***a.Mục tiêu:***

- Xác định được kiểu bài trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí.

- Xác định được bố cục và phương tiện diễn đạt của bài nói.

- Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện trong bài học.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về kiểu bài, bố cục và nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện trong bài học.

***c. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***B1: Giao nhiệm vụ HT***  HS xem lại bài viết nghị luận xã hội về một tư tưởng, đaọ lí đã viết kết hợp với kiến thức nền của bản thân để trả lời câu hỏi:   * Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí là gì? * Theo em, bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí bao gồm mấy phần? Yêu cầu của từng phần là gì? * Khi trình bày vấn đề, để thuyết phục người nghe, bên cạnh phương tiện chính là ngôn ngữ, cần chú ý thêm những vấn đề gì?   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ HT:***  HS làm việc theo nhóm đôi để suy nghĩ câu trả lời.  ***B3: Báo cáo, thảo luận:*** 1 – 2 nhóm đôi HS trả lời câu hỏi; Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  ***B4: Kết luận, nhận định:***   * GV nhận xét câu trả lời của HS và lưu ý HS : * Bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí bao gồm 3 phần: Mở đầu, nội dung chính và kết thúc. * Khi nói, cần kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ. * Biết nắm vững mục đích, đối tượng người nghe và nội dung cần trình bày; biết cách trình bày bài văn nói và có thái độ thân thiện, tôn trọng người nghe. | + Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí là một hoạt động, trong đó, người nói nêu lên nhận xét khen, chê và lí do tán thành hay phản đối về tư tưởng, đạo lí đó.  + Hs nhớ lại kiến thức 3 phần của bài trình bày ( kết hợp kiến thức đã thực hành ở tiết trước: *Viết bài nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí*)  + Khi nói, cần kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.  + Biết nắm vững mục đích, đối tượng người nghe và nội dung cần trình bày.  + Biết cách trình bày bài văn nói ( cách nói, cách kết hợp , sử dụng sự hỗ trợ của thiết bị công nghệ …)  + Có thái độ thân thiện, tôn trọng người nghe. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**

* 1. **Hoạt động chuẩn bị nói và nghe**

1. ***Mục tiêu***

* Xác định được nội dung cơ bản của đề tài dựa trên nội dung dàn ý trong phần Viết.
* Chuẩn bị các phương tiện cần thiết để hỗ trợ hoạt động nói.

1. ***Sản phẩm:*** Nội dung của đề tài và các phương tiện hỗ trợ hoạt động nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí.
2. ***Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***B1: Giao nhiệm vụ HT***   1. Cá nhân HS đọc yêu cầu của bài tập (SGK/ tr. 30) và xem lại nội dung dàn ý của phần viết ( Trang 27) 2. Chuẩn bị và kiểm tra lại các phương tiện hỗ trợ cho hoạt động nói.   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ HT:*** HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách kiểm tra lại những nội dung cần thiết.  ***B3: Báo cáo, thảo luận:*** Cá nhân HS tự làm việc kiểm tra và báo cáo tình hình chuẩn bị khi được Gv yêu cầu.  ***B4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét phần chuẩn bị của HS. Gợi ý trả lời câu (2) như sau: Hoạt động chuẩn bị:  - Nói: Xác định nội dung tư tưởng, đạo lí cần bàn luận; mục đích của người nói , các phương tiện phi ngôn ngữ; luyện tập và hình dung cách trình bày.  - Nghe: Tìm hiểu vấn đề mà người nói bàn luận; chuẩn bị giấy, bút để ghi chép. | Hoạt động chuẩn bị:   * Xem lại nội dung cơ bản của đề tài dựa trên nội dung dàn ý trong phần Viết. * Chuẩn bị các phương tiện cần thiết để hỗ trợ hoạt động nói. |

* 1. **Hoạt động tìm ý và lập dàn ý**

1. ***Mục tiêu:*** Lập dàn ý cho bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí.
2. ***Sản phẩm:*** Dàn ý của bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí
3. ***Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1:** Giao nhiệm vụ HT: yêu cầu  HS đọc hướng dẫn tìm ý và lập dàn cho bài nói (SGK/ tr. 30) và yêu cầu HS xem lại dàn ý và nội dung vấn đề đã làm ở phần Viết ( tiết trước)  **B2:** Thực hiện nhiệm vụ HT: Cá nhân HS thực hiện các nhiệm vụ HT: bổ sung và sắp xếp lại ý cho mạch lạc, phù hợp với nội dung bài nói. Chú ý bố cục bài nói.  **B3:** Báo cáo, thảo luận: Cá nhân tự kiểm tra sản phẩm, trao đổi với bạn khi cần thiết.  **B4:** Kết luận, nhận định: GV nhận xét và hướng dẫn HS sửa chữa (nếu cần).  Có thể tham khảo dàn ý để HS trình bày ý kiến đạt hiệu quả hơn. | Dàn ý bài nói: “ *Cứ hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngả sau lưng bạn*”  - Tự giới thiệu.  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.  - Nêu khái quát nội dung bài nói:  **1. Giải thích:**   * *Mặt trời:* tượng trưng cho sự sống, ánh sáng mang một vẻ đẹp rực rỡ, ấm áp, hạnh phúc. * *Hướng về phía mặt trời:* hướng về sự sống tràn ngập niềm vui, ánh sáng, nơi tồn tại những điều tốt đẹp. * *Bóng tối sẽ ngả về sau lưng bạn:* khi bạn suy nghĩ và hướng mình tới những điều tốt đẹp, thì những u ám, xấu xa, khó khăn hay thời kì tăm tối kia sẽ bị đẩy lùi, quên lãng và chìm vào quá khứ.   => Đây là lời khuyên mọi người nên có một thái độ sống tích cực, một cái nhìn lạc quan, niềm tin vào tương lai, biết hy vọng và tạo cho mình hy vọng.  **2. Bàn luận:**   * Mỗi chúng ta luôn mong muốn cuộc sống tốt đẹp, trọn vẹn. Thế nhưng cuộc sống không là một đường thẳng tắp. Trong cuộc đời mỗi người hẳn phải đi qua những khúc quanh, những thăng trầm, va vấp. * Tuy nhiên, khi bạn suy nghĩ lạc quan hơn, tích cực hơn, bạn hướng mình về những điều tốt đẹp, bạn có động lực, mục đích cũng như là sự phấn chấn, cùng niềm tin mãnh liệt, đẩy lùi sự sợ hãi, tuyệt vọng…   **– Dẫn chứng**  **3. Bàn luận mở rộng**  Phê phán những người sống những ngày dài trong trạng thái tiêu cực, luôn tự trách hay lo lắng hằng đêm, khiến cho cuộc sống chìm trong bầu không khí căng thẳng, u ám và tối tăm.  **4. Bài học nhận thức và hành động**  Câu danh ngôn là một hành trang cần thiết cho mỗi chúng ta, là một lời khuyên đúng đắn phải luôn lạc quan và tin tưởng.  **KẾT BÀI**   * Tổng kết lại ý nghĩa và sự đúng đắn của câu danh ngôn. * Liên hệ bài học cho bản thân.   - Tóm lược lại nộ dung đã trình bày.  - Mời sự phản hồi từ phía người nghe.  - Chào kết thúc. |

* 1. **Hoạt động nói và nghe**

1. ***Mục tiêu***

– Thực hiện được bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí.

* Nhận xét, đánh giá được nội dung và hình thức của bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí qua đề tài cụ thể.

1. ***Sản phẩm:*** Bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí qua đề tài cụ thể ; Nội dung nhận xét, đánh giá nội dung và hình thức của bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí..
2. ***Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***B1: Giao nhiệm vụ HT***   1. Gv chọn ngẫu nhiên ( hoặc bốc thăm 1 Hs/ 1 tổ) yêu cầu HS trình bày bài nói của mình cho tập thể lớp cùng nghe và góp ý dựa trên các yêu cầu của người nói và người nghe (SGK/ tr. 31). 2. Khi nghe bài nói của bạn, ghi chép tóm tắt nội dung, ghi những câu hỏi muốn trao đổi với người nói.   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ HT***   1. HS luyện tập trình bày trước tập thể 2. Cá nhân HS thực hiện việc lắng nghe và ghi chép.   ***B3: Báo cáo, thảo luận: 4*** HS trình bày bài nói theo dàn ý đã chuẩn bị. Các HS khác lắng nghe và ghi chép, nêu câu hỏi (nếu có).  ***B4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét ngắn gọn phần trình bày của HS.  ( Căn cứ vào phần Rubic đánh giá hoặt động nói bên PPT) | Nội dung nói và nghe đảm bảo được các yêu cầu sau:  **a/ Người nói:**  + Nội dung trình bày: Rõ ràng, cụ thể, phong phú và có trọng tâm; lập luận logic, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục…  + Hình thức trình bày: Đảm bảo bố cục, có sự sáng tạo và điểm nhấn; sử dung hợp lí thiết bị và công cụ hỗ trợ … khi trình bày  + Tác phong, thái độ trình bày: tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ đạt hiệu quả ….  **b/ Người nghe:**  + Tập trung lắng nghe, nắm được nội dung và quan điểm chính của người nói.  + Ghi lại thông tin chính của bài nói, những nội dung còn thắc mắc cần trao đổi.  + Trao đổi với người nói những vấn đề cần trao đổi.  + Khích lệ, động viên người nói … |

**4. Hoạt động kiểm tra và chỉnh sửa.**

***a.Mục tiêu***

* Tự đánh giá được với tư cách người nói và đánh giá được bài nói của bạn với tư cách người nghe; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân.
* Biết lắng nghe, điều chỉnh và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Sản phẩm:*** Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

***c.Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***B1: Giao nhiệm vụ HT***   1. HS làm việc cá nhân và dùng nội dung sau để tự đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí qua đề tài cụ thể (đối với những HS trình bày bài nói):   + Lắng nghe phần nhận xét của bạn, của thầy cô về bài trình bày của mình và tự rút kinh nghiệm cho bản thân.  + Tự đánh giá bài nói: Điều mình tâm đắc ở bài nói là gì? Nếu được thay đổi, em sẽ thay đổi phần nào trong nội dung và hình thức bài nói của mình?   1. HS làm việc cá nhân, xem xét kết quả ghi chép và tự đánh giá hiệu quả của việc lắng nghe, ghi chép, nêu ý kiến nhận xét bài nói (đối với những HS là người nghe).   + Mình nghe và ghi chép nội dung gì, nội dung đó chính xác chưa?  + Nhận xét nội dung và hình thức bài trình bày của bạn.  + Đánh giá – em tư rút ra cho mình bài học gì từ phần trình bày của bạn?   1. Tất cả HS suy ngẫm và rút kinh nghiệm từ hoạt động nói và nghe vừa thực hiện.   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ HT:*** HS thực hiện các nhiệm vụ HT.  ***B3: Báo cáo, thảo luận***   1. Đại diện 2, 3 HS lắng nghe trình bày kết quả nhận xét, đánh giá bài nói của bạn. HS được nhận xét có quyền trao đổi, giải thích thêm hoặc nêu thắc mắc cần được giải đáp với người nhận xét nếu muốn; Cần đảm bảo cuộc trao đổi diễn ra nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng nhau. 2. Đại diện 1, 2 HS trình bày kinh nghiệm rút ra được từ việc thực hiện các nhiệm vụ nói (những ưu điểm và hạn chế khi trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí qua đề tài cụ thể, những giải pháp khắc phục những điều chưa làm tốt, những giải pháp để nghe và nhận xét tốt hơn,…).   ***B4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HT của HS trên các phương diện:   * Nên giới thiệu hệ thống các luận điểm chính trước rồi mới đi vào triển khai từng luận điểm. * Nên có tờ giấy ghi tóm tắt những ý tưởng, nội dung chính. * Những ưu điểm cần phát huy. * Những nhược điểm cần lưu ý. * Điều chỉnh về kĩ năng nói và nghe của HS. * Cách HS lắng nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, hình thức bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí qua đề tài cụ thể. | Phần tự rút kinh nghiệm về hoạt động nói và hoạt động nghe của HS dựa trên 3 vấn đề chính:  + Nội dung trình bày  + Hình thức trình bày  + Tác phong thái độ trình bày |

1. **HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**
2. ***Mục tiêu:*** Củng cố lại kỹ năng nói và nghe khi trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một tư tưởng, đạo lí
3. ***Sản phẩm:*** Kết quả thực hiện phần tự luyện tập tại nhà của HS
4. ***Nội dung và tổ chức thực hiện***

***B1: Giao nhiệm vụ HT***

* GV yêu cầu cá nhân HS tự rút kinh nghiệm cho bản than qua phàn nói và nghe.
* HS về nhà tự thực hành thêm phần nói và nghe với bạn về vấn đề tư tưởng, đạo lí.
* GV có thể gợi ý đề tài cho Hs luyện tập: Suy nghĩ của em về quan niệm sau: *Học để làm người.*

***B2: Thực hiện nhiệm vụ HT:*** Cá nhân HS thực hiện bài luyện tập ở nhà.

***B3: Báo cáo, thảo luận và kết luận, nhận định:*** Thực hiện ở tiết ôn tập nếu đủ thời gian,

**DẶN DÒ:** Chuẩn bị nội dung ôn tập cho tiết học sau.

**RÚT KINH NGHIỆM:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

TRẦN THỊ MAI THẢO, THPT LÝ THƯỜNG KIỆT, THỊ XÃ HÒA THÀNH, TÂY NINH. GMAIL: [maithaoltk@gmail.com](mailto:maithaoltk@gmail.com)

SỐ ĐT 0978674354

**BÀI 1: THƠ VÀ TRUYỆN THƠ**

**TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**Tiết…: HÔM QUA TÁT NƯỚC ĐẦU ĐÌNH**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức:**

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ dân gian như chủ đề, nhân vật trữ tình, ngôn ngữ, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc … qua văn bản *Hôm qua tát nước đầu đình.*
* Nhận biết, phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong viết và nói tiếng Việt.

**2. Năng lực.**

***Năng lực chung***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực đặc thù***

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ dân gian như chủ đề, nhân vật trữ tình, ngôn ngữ, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc … qua văn bản *Hôm qua tát nước đầu đình.*

**3. Phẩm chất**

* Trân trọng những giá trị nhân văn: sự chân thành, chung thuỷ, lòng vị tha, nhân hậu trong tình yêu.
* Góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc của di sản văn học dân tộc qua thơ dân gian.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án;
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
* Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT Ngữ văn 11.
* Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

# III. Tiến trình dạy học

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học

**b. Sản phẩm:**  Những chia sẻ của học sinh.

# c. Tổ chức thực hiện

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS: Nhớ lại những bài thơ dân gian (ca dao) đã học hoặc đã biết*. Theo bạn, khi đọc một* *bài thơ dân gian (ca dao), chúng ta cần chú ý điều gì?*

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét, đánh giá.

- Gợi ý:

Ca dao là thơ ca dân gian truyền thống, tồn tại ở dạng lời thơ hoặc điệu hát, diễn tả một cách trực tiếp tư tưởng, tâm hồn, tình cảm của nhân dân. Về đề tài, chủ đề, có thể phân chia ca dao thành những loại: ca dao về quan hệ xã hội, ca dao về tình cảm gia đình, ca dao về quê hương, đất nước, ca dao về tình yêu, ca dao than thân, ca dao trào phúng,... Nhân vật trữ tình trong ca dao không mang dấu ấn cá nhân tác giả như thơ trữ tình trong văn học viết mà thể hiện tình cảm, cảm xúc của cả một tập thể, một cộng đồng. Có một số kiểu nhân vật trữ tình trong ca dao: người mẹ, người vợ, người con,... trong quan hệ gia đình; chàng trai, cô gái trong quan hệ tình bạn, tình yêu; người phụ nữ, người dân thường,... trong quan hệ xã hội. Kết cấu đối đáp là đặc điểm nổi bật của ca dao. Lời ca dao thường ngắn gọn, phần lớn đặt theo thể lục bát, có khi là lục bát biến thể, hoặc các thể thơ khác như song thất lục bát, vãn bốn (câu thơ bốn tiếng), vãn năm (câu thơ năm tiếng), thơ tự do,... Ngôn ngữ ca dao mộc mạc, giản dị, gần gũi với lời nói hằng ngày, thường sử dụng biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ,... Một số công thức được sử dụng lặp đi, lặp lại: *rủ nhau, ngó lên, trèo lên, trên trời, hôm qua, đêm đêm, chiều chiều, thân em, thương thay, ước gì*,... Bên cạnh đặc điểm chung, ca dao của mỗi vùng miền còn mang đặc điểm riêng của địa phương, dân tộc.

Ca dao về tình yêu là một bộ phận quan trọng trong kho tàng ca dao Việt Nam. Các bài ca dao về tình yêu thường thể hiện nỗi nhớ thương, tình cảm thuỷ chung son sắt, ước nguyện hạnh phúc lứa đôi,...

# HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TỰ ĐÁNH GIÁ

**a. Mục tiêu:** HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, trả lời câu hỏi trong phần tự đánh giá

**b. Sản phẩm: :**  Những chia sẻ của học sinh.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động làm bài trắc nghiệm***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Giáo viên tổ chức cuộc thi "**Rung chuông vàng"** với 5 câu hỏi trắc nghiệm trong SGK. HS trả lời bằng cách giơ tay. Mỗi câu hỏi có thời gian suy nghĩ là 10s. Ai nhanh hơn sẽ được quyền trả lời.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh thực hiện bài đọc trong phần tự đánh giá  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Học sinh chia sẻ câu trả lời  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhận xét, đánh giá. | **1. Phần trắc nghiệm**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | | **C** | **D** | **C** | **C** | **C** | |
| ***2. Hoạt động gợi ý tự luận***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  Hs lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:  **Câu 6**. Hình tượng nào là hình tượng trung tâm, xuyên suốt tám dòng thơ đầu? Hình tượng đó có tác dụng nghệ thuật như thế nào trong việc thể hiện nỗi niềm, tâm trạng của chàng trai.  **Câu 7**. Những vật mà chàng trai hứa trả công cho cô gái có ý nghĩa như thế nào?  **Câu 8**. Nêu cảm nhận của em về nhân vật chàng trai trong bài Hôm qua tát nước đầu đình.  **Câu 9.** Tìm đọc một số bài ca dao có mô típ “Hôm qua”, từ đó, nhận xét điểm giống và khác nhau giữa bài Hôm qua tát nước đầu đình với những bài ca dao đó.  **Câu 10**. [Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) nói lên điều em thích nhất (về nội dung hoặc nghệ thuật ) ở bài Hôm qua tát nước đầu đình.](https://vietjack.com/soan-van-lop-11-cd/viet-doan-van-noi-len-dieu-em-thich-nhat-o-bai-hom-qua-tat-nuoc-dau-dinh-vm.jsp)  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhận xét, đánh giá. | **2. Phần tự luận**  *Câu 6.* Hình tượng “chiếc áo” là hình tượng trung tâm, xuyên suốt tám dòng thơ đầu.  Hình tượng “chiếc áo” có tác dụng nghệ thuật trong việc thể hiện nỗi niềm, tâm trạng của chàng trai:  Để quên và xin lại chiếc áo là cái cớ để chàng trai làm quen và tiếp xúc vớicô gái, là cái cớ để chàng trai giãi bày lời tỏ tình.  Nhấn mạnh đặc điểm chiếc áo là “sứt chỉ đường tà”, “sứt chỉ đã lâu” là môt cách kín đáo để chàng trai nói lên gia cảnh của mình với cô gái: “Vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu”. Chiếc áo không rách mà chỉ là “sứt chỉ”, vả lại “sứt chỉ” ở đường tà -đường nẹp nhỏ ở dọc hai bên vạt áo, không quan trọng lắm. Chàng trai không phải là người túng bấn. Hoàn cảnh của anh là neo người, mong có người may vá “từ lâu”. Trong xã hội trước đây, thiên chức của người phụ nữ là công việc nội trợ, trong đó có việc vá may. Với chiếc áo “sứt chỉ đường tà”, chàng trai gợi tình yêu chứkhông gợi lòng thương hại ở cô gái. Chiếc áo trở thành vật giao duyên. Anh mượn hình ảnh chiếc áo để thổ lộ tình cảm của mình mong muốn được kết duyên cùng cô gái.  *Câu 7.* Những vật mà chàng trai hứa trả công cho cô gái có ý nghĩa gợi lên các lễ vật dành cho đám hỏi với “thúng xôi vò”, “con lợn béo”, “vò rượu tăm”, “đôi chiếu”, “đôi chằm”, “buồng cau”, tiền cheo, tiền cưới. Những sính lễ cho ngày cưới này là một cách ướm hỏi nếu cô gái thuận lòng nhận sính lễ thì cũng có nghĩa là đồng ý kết duyên cùng chàng trai.  *Câu 8.* HS nêu cảm nhận của cá nhân về nhân vật chàng trai trên cơ sở VB bài  *Hôm qua tát nước đầu đình*:   * Vừa táo bạo vừa kín đáo, ý tứ. * Vừa chân thành, bộc bạch vừa tinh tế, khéo léo. * Vừa đùa vui, hóm hỉnh vừa nghiêm túc trong tình yêu, hôn nhân.   *Câu 9.* HS tìm đọc trên sách báo, Internet,... một số bài ca dao có mô típ “Hôm qua”, sau đó chọn một bài tiêu biểu để so sánh với bài *Hôm qua tát nước đầu đình*. Ví dụ bài ca dao dưới đây:  *Hôm qua anh đến chơi nhà,*  *Thấy mẹ nằm võng, thấy cha nằm giường.*  *Thấy em nằm đất anh thương,*  *Anh ra Kẻ Chợ đóng giường tám thang.*  *Bốn góc thời anh bịt vàng,*  *Bốn chân bịt bạc, tám thang chạm rồng.*  *Bây giờ phải bỏ giường không, Em đi lấy chồng phí cả công anh.*   * Tương đồng:   + Cùng có mô típ thời gian “Hôm qua”, thời gian vừa cụ thể, xác định: xảy ra hôm trước, vừa mang tính phiếm chỉ của thời gian nghệ thuật – xảy ra trong quá khứ, là một cái cớ để bộc lộ tâm tư, tình cảm của nhân vật trữ tình trong hiện tại.  + Cùng trong chủ đề tình yêu, thể hiện tình cảm yêu thương của chàng trai đối với cô gái.  + Cách thổ lộ tình cảm kín đáo với cách nói “vòng vo”, mượn sự vật chiếc áo, chiếc giường để bày tỏ nỗi niềm, tâm trạng.   * + Khác nhau:   + Bài *Hôm qua tát nước đầu đình*: từ việc bỏ quên chiếc áo mà đi đến bày tỏ nỗi niềm ước nguyện gắn kết hôn nhân.  + Bài *Hôm qua anh đến chơi nhà*: từ việc mua sắm giường đến việc bày tỏ nỗi niềm tiếc nuối khi tình duyên không thành.  *Câu 10.* HS có thể lựa chọn điều mình thích nhất hoặc về nội dung hoặc nghệ thuật của bài *Hôm qua tát nước đầu đình*. Ví dụ về nội dung: tình yêu chân thành, trong sáng, thiết tha của người nông dân lao động; tình yêu gắn liền với mong ước đi tới hôn nhân, v.v. Về nghệ thuật: từ hình tượng “chiếc áo” *nói được bao điều về tình yêu, về hôn nhân;* c*ách nói vòng* để thổ lộ tình cảm một cách tế nhị của chàng trai, v.v. |

**HOẠT ĐỘNG 3: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1.Nêu gợi ý các văn bản đọc thêm, các trang web**  **2.Cách tìm, thu thập, lựa chọn các tài liệu liên quan đến bài học**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu HS:Tìm các văn bản đọc thêm, các trang web liên quan bài học  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Học sinh lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV | **1. Các văn bản đọc thêm, các trang web**  Tìm đọc các truyện thơ *Tiễn dặn người yêu*, *Bích Câu kì ngộ*, sau đó chọn ra những đoạn trích hay có ý nghĩa về nội dung và giá trị nghệ thuật, liên hệ so sánh với đoạn trích *Lời tiễn dặn* (trích *Tiễn dặn người yêu*), *Nỗi niềm tương tư* (trích *Bích Câu kì ngộ*).  Sưu tầm một số bài ca dao, một số bài thơ hiện đại nói về tình yêu để có thể so sánh với các bài *Hôm qua tát nước đầu đình* (ca dao), *Sóng* (Xuân Quỳnh), *Tôi yêu em* (Pu-skin).  **2.Tìm, thu thập, lựa chọn các tài liệu liên quan đến bài học**  Tìm đọc một số bài phân tích và đánh giá về các tác phẩm đã đọc hiểu trong bài: *Sóng*, *Tôi yêu em*, *Tiễn dặn người yêu và đoạn trích Lời tiễn dặn*, *Bích Câu kì ngộ* và đoạn trích *Nỗi niềm tương tư*, *Hôm qua tát nước đầu đình*. Những bài phân tích và đánh giá này vừa giúp cho việc đọc hiểu tác phẩm, vừa củng cố kiến thức, kĩ năng về nghị luận văn học.  Sưu tầm một số bài nghị luận xã hội trên sách, báo, Internet với các yêu cầu:   * Bàn về tư tưởng, đạo lí. * Nội dung gần gũi, thiết thực với tuổi trẻ học đường. * Ghi lại các mở bài và kết bài hay, độc đáo để rèn luyện kĩ năng viết kiểu VB nghị luận xã hội. |

**\*Tài liệu tham khảo**